



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

**XÂY DỰNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
THEO PHƯƠNG PHÁP MÔ ĐUN  
TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO NGHỀ VIỆT NAM

Hợp phần “Tư vấn chính sách và Đổi mới hệ thống giáo dục nghề nghiệp”  
(Mã số dự án: 17.2058.0-001.00)

### BÁO CÁO NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO PHƯƠNG PHÁP MÔ ĐUN TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Được phát hành theo thỏa thuận hợp tác  
giữa Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (DVET) và Chương trình hợp tác Việt - Đức  
“Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam” do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thực hiện  
theo uỷ quyền của Bộ Kinh tế và hợp tác phát triển Liên bang Đức (BMZ)



Implemented by  
**giz**  
Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

## **NHÓM CHUYÊN GIA THỰC HIỆN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU**

Tiến sỹ Nguyễn Ngọc Trang

Thạc sỹ Trần Xuân Tình

Thạc sỹ Phạm Thị Minh Hiền

Thạc sỹ Đỗ Thị Trúc Lan

# MỤC LỤC

<b>PHẦN GIỚI THIỆU</b>	<b>6</b>
<b>I. TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ CTĐT THEO MÔ ĐUN</b>	<b>9</b>
1. Các thuật ngữ liên quan	10
2. Đặc điểm của CTĐT theo mô đun	12
3. Về lịch sử của thiết kế CTĐT theo mô đun - tín chỉ	14
4. Hệ thống Chuyển đổi Tín chỉ Châu Âu cho giáo dục đại học (ECTS) và hệ thống tín chỉ châu Âu cho giáo dục nghề nghiệp (ECVET)	25
<b>II. MÔ HÌNH THIẾT KẾ CTĐT THEO MÔ ĐUN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA</b>	<b>17</b>
1. Mô hình về thiết kế CTĐT trong GDNN Úc	18
2. Mô hình về thiết kế CTĐT trong GDNN của Anh	22
3. Mô hình về thiết kế CTĐT trong GDNN của Mỹ	27
<b>III. TRIỂN KHAI CTĐT THEO MÔ ĐUN TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG TẠI VIỆT NAM</b>	<b>31</b>
1. Quy định về xây dựng CTĐT tại Việt Nam	32
2. Tiếp cận của GIZ TVET về thiết kế CTĐT theo mô đun	38
2.1. Thông tin chung	38
2.2. Cách tiếp cận của GIZ TVET	40
3. Câu hỏi nghiên cứu và kết quả nghiên cứu về xây dựng CTĐT tại 11 trường trong dự án và 29 trường ngoài dự án	45
3.1. Câu hỏi nghiên cứu	45
3.2. Phương pháp thực hiện	45
3.3. Kết quả khảo sát từ bảng hỏi	46
3.4. Kết quả khảo sát từ thảo luận nhóm (focus group)	59
3.5. Tóm tắt kết quả khảo sát theo câu hỏi nghiên cứu	61
3.6. Phân tích	66
<b>IV. KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>71</b>
<b>PHỤ LỤC 1. BẢNG HỎI</b>	<b>75</b>
Mẫu 1: Đối với 11 trường thụ hưởng của Chương trình GIZ TVET Việt Nam	76
Mẫu 2: Đối với 29 trường không thuộc các trường thụ hưởng của Chương trình GIZ TVET Việt Nam	79
<b>PHỤ LỤC 2. CÁC CÂU HỎI CHUẨN BỊ CHO THẢO LUẬN NHÓM CÁC TRƯỜNG THAM GIA KHẢO SÁT</b>	<b>82</b>

## PHẦN GIỚI THIỆU

---

Chương trình đào tạo (CTĐT) là một trong những yếu tố đảm bảo chất lượng quan trọng nhất của bất kỳ khóa đào tạo nào. Tiếp cận xây dựng và triển khai CTĐT theo mô đun không phải là vấn đề mới nhưng hiện chưa được áp dụng rộng rãi tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tại Việt Nam. Trong nhiều năm qua, Chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam (Chương trình GIZ TVET Việt Nam) được ủy quyền bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển CHLB Đức (BMZ) và thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), phối hợp với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã hỗ trợ một số trường cao đẳng tại Việt Nam thí điểm thiết kế và thực hiện CTĐT theo mô đun nhằm nâng cao chất lượng các CTĐT để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đảm bảo sự linh hoạt, liên thông trong GDNN.

Báo cáo này được thực hiện trong khuôn khổ Chương trình GIZ TVET Việt Nam với mục tiêu góp phần giải quyết khoảng trống về thông tin, kiến thức về xây dựng CTĐT theo mô đun trong GDNN. Báo cáo có ý nghĩa:

- Cung cấp thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng chính sách của cơ quan quản lý nhà nước về vấn đề chuẩn đầu ra, xây dựng CTĐT, tổ chức đào tạo...để phát triển GDNN theo hướng cầu, mở và linh hoạt.
- Thúc đẩy, hỗ trợ cơ sở GDNN đổi mới xây dựng và triển khai CTĐT theo mô đun tiếp cận mô hình của các nước có hệ thống GDNN phát triển để nâng cao chất lượng đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.
- Nâng cao nhận thức, năng lực cán bộ quản lý, nhà giáo, kiểm định viên trong lĩnh vực GDNN về vấn đề xây dựng CTĐT phục vụ nhiệm vụ chuyên môn liên quan.

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Chương trình Hợp tác Việt – Đức Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam (Tổ chức hợp tác Quốc tế Đức – GIZ). Đặc biệt, đánh giá cao sự hỗ trợ của Bà Phạm Ngọc Anh – Cán bộ cao cấp của Chương trình về các đóng góp định hướng cho Báo cáo.

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn các chuyên gia tham vấn gồm Ông Đỗ Văn Giang, Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo chính quy, Bà Phùng Thị Kim Thoa – Vụ Đào tạo chính quy, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Ông Đào Anh Quang – chuyên gia độc lập, Ông Đào Tuấn Anh, trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp và 40 cơ sở GDNN trên toàn quốc đã tham gia khảo sát về sự hỗ trợ và đóng góp trực tiếp trong Báo cáo.

Báo cáo này thực hiện trong thời gian rất ngắn (từ 28/11/2022-30/12/2022) nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm chuyên gia rất mong nhận được sự thông cảm và các ý kiến đóng góp từ các Quý độc giả để hoàn thiện Báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn./.









## 1. CÁC THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

### Chương trình đào tạo (CTĐT) (curriculum)

ILO (2006) định nghĩa CTĐT (curriculum) mô tả chi tiết về mục tiêu, nội dung, thời lượng, kết quả mong đợi, phương pháp học tập và đào tạo của một chương trình giáo dục hoặc đào tạo.

CEDEFOP (2015) đưa ra định nghĩa “curriculum” đồng thời phân biệt “curriculum” và “programme” (2 từ này dịch sang tiếng Việt đều là CTĐT), cụ thể: “curriculum” đề cập đến việc thiết kế, tổ chức và lập kế hoạch cho các hoạt động học tập, trong khi “programme” đề cập đến việc thực hiện các hoạt động này.

### Mô đun (module)

Theo UNESCO (2011), mô đun là một khóa học hoặc một phần của khóa học trong chương trình thiết kế theo mô-đun. Một mô-đun có thể được thực hiện riêng lẻ hoặc kết hợp với các mô-đun khác.

NCVER (2013) định nghĩa mô đun là một khối học tập khép kín có thể hoàn thành độc lập hoặc là một phần của khóa học và khi hoàn thành có thể dẫn đến kết quả là đạt một hoặc nhiều đơn vị năng lực.

Luật GDNN 2014 của Việt Nam định nghĩa mô đun là đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hiện trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề.

Không phải tất cả các nước đều sử dụng thuật ngữ “module” mà có thể dùng “unit of competency” như trong hệ thống Úc hay “unit” trong hệ thống Anh... Báo cáo này sử dụng các thuật ngữ phù hợp theo từng quốc gia.

### Thiết kế CTĐT theo mô đun:

Trong các nghiên cứu quốc tế, các thuật ngữ bằng tiếng Anh thường được sử dụng thay thế nhau để diễn đạt việc thiết kế CTĐT theo mô đun (modular curriculum design) còn gồm “modulization of curriculum” hoặc “modurisation and utilisation of the curriculum”, (mô đun hoá CTĐT hoặc mô đun hóa và đơn vị hoá CTĐT). Các thuật ngữ “modular training” (đào tạo theo mô đun) hay “modular course” (khóa đào tạo theo mô đun) cũng được sử dụng khi muốn nói đến tiếp cận mô đun trong xây dựng và triển khai CTĐT nói chung.

ILO (2006) định nghĩa mô đun hoá CTĐT là hệ thống mà CTĐT bao gồm một số mô-đun trong đó mỗi mô-đun có thể được chứng nhận độc lập.

UNESCO (2011) định nghĩa thiết kế CTĐT theo mô đun là việc tổ chức CTĐT hoặc các khoá đào tạo thành các đơn vị khép kín (self-contained units) được thiết kế để quản lý người học.

NCVER (2013) định nghĩa đào tạo theo mô đun (modular training) là việc chia nhỏ toàn bộ một CTĐT thành các đơn vị nhỏ (mô-đun) hữu ích, mỗi đơn vị trong số đó có kết quả đầu ra có thể

đo lường được đánh giá (và trong một số trường hợp còn được chứng nhận) và góp phần vào kết quả đầu ra tổng thể của cả chương trình học.

Như vậy, các định nghĩa về thiết kế CTĐT theo mô đun hay đào tạo theo mô đun có nhiều điểm tương đồng. Nhiều nghiên cứu như Wondifraw Dejene (2019), Khaled Sellami (2018).. Khẳng định, mô đun hoá CTĐT là một trong những xu hướng của thiết kế CTĐT. Cách tiếp cận mô đun không phải điều kiện tiên đề để thiết kế CTĐT nhưng trong thực tiễn lại thúc đẩy quá trình này (Tuning Academy, 2022).

#### **Tín chỉ (credit) và CTĐT theo mô đun - tín chỉ (modular - credit curriculum):**

+ Tín chỉ theo UNESCO UNEVOC là đơn vị ghi nhận và ghi chép lại việc hoàn thành các khóa học hoặc mô-đun trong và sau khi kết thúc một chương trình đào tạo. Tín chỉ thể hiện khối lượng học tập dựa trên khối lượng công việc điển hình cần thiết để đạt được các mục tiêu học tập mong đợi. Theo Luật GDNN 2014 của Việt Nam, tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

+ CTĐT sử dụng hệ thống tín chỉ là chương trình có gán tín chỉ cho mỗi thành phần của CTĐT dựa trên kết quả đầu ra. Khi nói tới CTĐT theo mô đun - tín chỉ (modular credit curriculum) được hiểu là CTĐT này đã được thiết kế theo mô đun trong đó từng mô đun đã được gán tín chỉ. Tuy nhiên, cần lưu ý là khi nói tới một CTĐT theo tích lũy mô đun thì chưa đảm bảo chương trình đó đã sử dụng hệ thống tín chỉ hay chưa.

## 2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CTĐT THEO MÔ ĐUN

Wu Jianyua, Liang Xia, Xing Chen a\* (2012) và Rahman, S. (2022) đều đưa các đặc điểm của CTĐT thiết kế theo mô đun với nhiều điểm trùng nhau và những đặc điểm khác bổ sung cho nhau để giúp hiểu rõ hơn về CTĐT theo mô đun.

*Theo Wu Jianyua, Liang Xia, Xing Chen a\* (2012), CTĐT theo mô đun có các đặc điểm sau:*

- Mỗi mô đun độc lập, người học đạt được một kỹ năng nghề nghiệp sau khi học xong một học phần;
- Nội dung CTĐT phải phù hợp với yêu cầu công việc thực tiễn sau này của người học;
- Tất cả các tài liệu giảng dạy phải thực tế thay vì lý thuyết thuần túy;
- Nội dung của mỗi mô đun không cần nhiều, chỉ nên bao quát những nội dung cần thiết;
- Mỗi mô đun có mục đích, yêu cầu riêng và có thể kết hợp các mô đun với nhau;
- Mô đun phải đủ nhỏ để cập nhật nhanh trong tương lai.

*Theo Rahman, S. (2022)*

- Mô đun hóa dựa trên nguyên tắc chia chương trình thành mô đun hay đơn vị nhỏ riêng biệt, độc lập, thường có thời gian ngắn, có thể được thực hiện theo các thứ tự khác nhau.
- CTĐT theo mô đun cho phép người học tự chủ hay kiểm soát việc học của mình và đòi hỏi trách nhiệm cao hơn đối với việc học theo đó đòi hỏi sự trưởng thành lớn hơn từ phía người học.
- Tất cả các năng lực cần đạt được gắn kết chặt chẽ và các nhiệm vụ được tổng hợp
- Người học là trung tâm quá trình giảng dạy, học tập và đòi hỏi sinh viên chủ động tham gia; chuyển vai trò của nhà giáo từ chuyển tải kiến thức thành người hỗ trợ sinh viên học tập.
- CTĐT đòi hỏi đánh giá thường xuyên đối với người học và điều này có thể dẫn đến thay đổi cách dạy và học và rất hữu ích với sinh viên vì sinh viên được tư vấn họ có thể làm gì để đạt kết quả tốt hơn.

Một nghiên cứu khác của Edward J. Maloney và Joshua Kim (2020) nhấn mạnh cốt lõi của mô đun hóa là sự linh hoạt - bao gồm thời lượng khóa học linh hoạt, trình tự linh hoạt, chủ đề linh hoạt, sự phụ thuộc lẫn nhau cũng linh hoạt. Theo nhóm tác giả này, nếu các khoá học thiết kế theo mô đun và giảng dạy online và thời lượng ngắn có thể vừa giảm mật độ người học ở trường vừa tạo sự hấp dẫn đối với người học.

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm của CEDEFOP (2015) về việc mô đun hoá CTĐT trong GDNN tại 15 nước ở châu Âu cho thấy mặc dù mỗi nước có mức độ mô đun hoá CTĐT khác nhau và mỗi nước là một ví dụ khác nhau về mô hình mô đun hoá CTĐT nhưng nghiên cứu đã cho thấy những lợi ích chung của cách tiếp cận xây dựng CTĐT này mang lại bao gồm:

- Mang lại sự linh hoạt cho người sử dụng lao động trong việc đào tạo lực lượng lao động của họ về các kỹ năng phù hợp với nhu cầu của họ
- Cho phép dễ dàng cập nhật CTĐT để bổ sung công nghệ mới hoặc cách làm việc mới bằng cách thay thế hoặc cập nhật các mô đun đơn lẻ khi cần thiết
- Trong một số trường hợp, mô đun hóa cũng cho phép người học linh hoạt lựa chọn các khóa học và năng lực mà họ quan tâm, cung cấp nhiều cơ hội hơn cho người học chuyển sang và rời khỏi hệ thống đào tạo ban đầu, cũng như các lựa chọn để công nhận quá trình học tập trước đó trong hệ thống GDNN.
- Môn đun hóa cũng giúp dễ dàng thiết kế, điều chỉnh các khóa học cho các nhóm người học khác nhau (ví dụ: bằng cách điều chỉnh thời lượng) và mang lại nhiều lựa chọn hơn cho sự hợp tác giữa các nhà cung cấp đào tạo trong việc cung cấp các chương trình kết hợp.
- Đánh giá, chứng nhận từng bước (step –by-step) trong CTĐT có khả năng giảm số học sinh bỏ học do đánh giá thường xuyên (ví dụ: thông qua phản hồi được cung cấp trong quá trình đánh giá hoặc cho phép học sinh nhìn thấy tiến bộ hoặc thành tích của mình trong suốt khóa học).

Nghiên cứu của CEDEFOP (2015) cũng chỉ ra một số lo ngại rằng người học sẽ bỏ học khi mới học xong một phần của CTĐT không phải là mô đun cốt lõi hoặc không được công nhận trên thị trường lao động. Cũng có những lo ngại rằng một số người học có thể thấy khó hiểu với cấu trúc linh hoạt của chương trình đào tạo theo mô đun.

Liên quan đến điểm hạn chế của CTĐT theo mô đun, nghiên cứu của Tedla và Desta (2015) cũng chỉ ra một số thách thức liên quan đến mô đun hóa CTĐT bao gồm việc triển khai sẽ phù hợp với người học trưởng thành, có trách nhiệm toàn diện việc học tập, và việc cho phép người học lựa chọn các mô đun cũng ảnh hưởng đến việc thống nhất, rành mạch của một chương trình cụ thể.

### 3. VỀ LỊCH SỬ CỦA THIẾT KẾ CTĐT THEO MÔ ĐUN - TÍN CHỈ

Theo Toxirovna (2021), thiết kế CTĐT theo mô đun - tín chỉ đã có lịch sử hơn một thế kỷ. Hệ thống mô đun - tín chỉ ở Mỹ là một trong những hệ thống đầu tiên góp phần hình thành hệ thống này ở các trường đại học trên thế giới. Hệ thống này được giới thiệu lần đầu vào nửa sau của thế kỷ 19 là giai đoạn mà CTĐT các trường đại học ở Mỹ vẫn là chương trình được xây dựng cứng và sức hút của cơ sở giáo dục đại học giảm mạnh. Năm 1869, Charle Elliot, chủ tịch của Trường Đại học Havard đã dùng các CTĐT cứng (strictly defined) và cho phép sinh viên lựa chọn bộ môn yêu thích từ CTĐT. Sau khi trường bỏ chương trình cứng, hàng loạt câu hỏi đặt ra là tiêu chí nào để sinh viên chuyển từ khoá học này sang khoá học khác và việc đo lường, đánh giá tiến bộ của sinh viên và khối lượng kiến thức sẽ như thế nào. Trường Đại học Harvard sau đó đã tìm ra giải pháp là gán số tín chỉ vào mỗi môn học và quy định số tín chỉ sinh viên phải lấy được sau một năm học. Các trường đại học khác của Mỹ dần dần cũng áp dụng phương pháp này của Trường Đại học Harvard và giai đoạn nhân rộng diễn ra trong hệ thống giáo dục đại học Mỹ vào đầu năm 1900 và tới những năm 1930, hầu hết các trường đại học ở Mỹ đã áp dụng hệ thống tín chỉ.

Về việc bắt đầu áp dụng hệ thống mô đun, tín chỉ ở Vương quốc Anh, theo Yoseph Gebredhiwot Tedla và Mekwanent Tilahun Desta (2015), vào đầu những năm 1900, các cơ sở giáo dục đổi mới với yêu cầu phải linh hoạt hơn, tốc độ nhanh hơn và chi phí ít hơn nhằm thu hút sinh viên và các cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống môn học tín chỉ dựa trên khung chương trình sẵn có.





## 4. HỆ THỐNG CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ CHÂU ÂU CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (ECTS) VÀ HỆ THỐNG TÍN CHỈ CHÂU ÂU CHO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (ECVET)

ECVET và ECTS là 02 công cụ chính được sử dụng ở châu Âu để tích lũy và chuyển giao kiến thức, kỹ năng và năng lực được thể hiện và đo lường dưới dạng tín chỉ.

ECTS được phát triển như một dự án thí điểm trong chương trình Erasmus vào năm 1988-1989 và được giới thiệu như một phương tiện để tạo điều kiện công nhận học thuật của sinh viên từ các cơ sở giáo dục đại học/trường đại học nước ngoài (trong các chương trình dịch chuyển sinh viên ở EU và các quốc gia EFTA và các quốc gia liên quan). ECTS cũng tạo điều kiện và thúc đẩy sự dịch chuyển của sinh viên và công nhận kết quả học tập giữa các cơ sở giáo dục trong một quốc gia.

ECVET là một sáng kiến của Liên minh Châu Âu, được thiết lập theo Khuyến nghị của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng Châu Âu ngày 18 tháng 6 năm 2009 nhằm giúp công dân các nước Châu Âu có được và so sánh trình độ chuyên môn GDNN (chứng chỉ, văn bằng) dễ dàng hơn, từ đó hỗ trợ khả năng di chuyển việc làm và học tập suốt đời. Đây là một trong những giải pháp của Liên minh Châu Âu nhằm đáp ứng yêu cầu năng lực theo nhu cầu của người sử dụng lao động.

Cả hai hệ thống ECVET và ECTS đều dựa trên việc xác định khối lượng học tập mỗi năm của người học là 60 tín chỉ (1600 – 1800 giờ) (25-30 giờ tương đương 1 tín chỉ).

Kết quả nghiên cứu của CEDEFOP (2015) về việc mô đun hoá CTĐT trong GDNN tại 15 nước ở Châu Âu đã đề cập ở trên cho thấy việc chuyển đổi tín chỉ (credit transfer) giữa các CTĐT thiết kế theo mô đun còn chưa phổ biến do ở một số nước việc gắn giá trị tín chỉ cho từng mô đun, đơn vị năng lực riêng lẻ chưa được thực hiện, còn ở các nước đã sử dụng hệ thống tín chỉ thì kinh phí được xem là một trở ngại cho việc chuyển đổi tín chỉ bao gồm việc thực hiện công nhận học tập trước đó (recognition of prior learning). Nghiên cứu cũng cho thấy ít quốc gia đã sử dụng hệ thống hệ thống ECVET nêu trên.





**MÔ HÌNH THIẾT KẾ CTĐT  
THEO MÔ ĐUN  
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA**

## 1. MÔ HÌNH VỀ THIẾT KẾ CTĐT TRONG GDNN ÚC

Úc bắt đầu triển khai đào tạo dựa trên năng lực (competency – based training) vào cuối những năm 1980 nhằm mục tiêu nâng cao trình độ kỹ năng của lực lượng lao động quốc gia. Một trong những đặc điểm của đào tạo dựa trên năng lực của Úc là mô đun hóa CTĐT. Ngoài ra, các đặc điểm khác của đào tạo theo năng lực thực hiện là đào tạo dựa trên năng lực, không dựa theo thời gian (ngay sau khi người học đạt được năng lực cần thiết, họ có thể chuyển sang năng lực tiếp theo, người học có thể hoàn thành khóa đào tạo trong thời gian và tốc độ của riêng họ); tập trung vào kết quả chứ không phải đầu vào, tính đến công nhận quá trình học trước đó, đánh giá dựa trên thực hiện các kỹ năng hơn là kiến thức, không chấm điểm và năng lực được công nhận.

### **(1) Về căn cứ để cơ sở GDNN xây dựng CTĐT chi tiết:**

- Các cơ sở GDNN xây dựng CTĐT chi tiết căn cứ gói đào tạo (Training package) do Bộ trưởng Bộ Kỹ năng Úc ban hành áp dụng trong phạm vi quốc gia:

Mỗi gói đào tạo có cấu trúc gồm

i) các CTĐT cấp văn bằng, chứng chỉ (qualifications) trong gói\* (Ví dụ đối tới gói đào tạo Du lịch, Nhà hàng khách sạn và sự kiện (SIT07 – Tourism, Hospitality and events Training) <https://training.gov.au/Training/Details/SIT07>), cấu trúc gói gồm danh sách 35 CTĐT (qualifications), ví dụ: bao gồm chứng chỉ từ cấp độ 1 đến cấp độ 4 về Du lịch, Trung cấp Du lịch (Diploma), Chứng chỉ từ cấp độ 1 đến cấp độ 4 về Nhà hàng, khách sạn, Chứng chỉ từ cấp độ 1 đến cấp độ 3 về Sự kiện ....

(ii) danh sách các chuẩn năng lực tại nơi làm việc được xây dựng riêng gói đào tạo (các CTĐT khác nhau trọn gói sẽ hình thành từ các năng lực lựa chọn hay đóng gói từ danh sách này)

iii) danh sách các đơn vị năng lực (unit of competency) của các gói khác nhưng được “nhập khẩu” có thể sử dụng cho các CTĐT trong gói

(iv) các bộ kỹ năng (skill set) (quy định cụ thể năng lực cho một số kỹ năng).

<sup>(1)</sup> Hiện Úc đã phát triển được 68 gói đào tạo (đóng gói thành 1.450 CTĐT cấp bằng (qualification) gồm 17.000 đơn vị năng lực, và 1.300 bộ kỹ năng). Toàn bộ các gói đào tạo sau khi được phê duyệt sẽ được công khai trên cổng thông tin điện tử Đảng kỷ Quốc gia ([training.gov.au](http://training.gov.au)) của Chính phủ để các cơ sở đào tạo (RTO) triển khai.

Trong đó mỗi CTĐT cấp bằng, chứng chỉ trong gói có cấu trúc như sau:

Tóm tắt về CTĐT	Năm ban hành, thuộc gói đào tạo nào, các cơ sở đào tạo cùng đang triển khai CTĐT
Danh sách các đơn vị năng lực (unit of competency) thuộc CTĐT	trong đó gồm đơn vị năng lực cốt lõi (core units), tự chọn (elective units) (trong các đơn vị tự chọn có đơn vị tự chọn của gói hoặc nhập khẩu từ gói khác)
Lịch sử rà soát, cập nhật	
Mô tả về chương trình	trong đó có liệt kê các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp
Điều kiện đầu vào tham gia khoá học (entry requirement)	
Tóm tắt các kỹ năng làm việc (employability skills)	Trong đó liệt kê các kỹ năng sau: Giao tiếp, Làm việc nhóm, Giải quyết vấn đề, Sáng kiến và Doanh nghiệp, Kế hoạch và Tổ chức, Tự quản lý, Học tập. Tuy nhiên, có nhấn mạnh đây là kỹ năng chung của nhóm CTĐT trong gói, với mỗi CTĐT sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau
Quy tắc đóng gói (packing rules):	nêu rõ số lượng đơn vị năng lực phải hoàn thành để được cấp bằng trong đó số lượng cụ thể đơn vị năng lực cốt lõi bắt buộc và số lượng đơn vị năng lực tự chọn.

**(2) Đặc trưng của mô hình:**

- Chương trình gồm năng lực cốt lõi bắt buộc và năng lực tự chọn
- CTĐT ở trình độ đào tạo cao hơn sẽ bao gồm một số đơn vị của trình độ đào tạo thấp hơn (có thể không bao gồm toàn bộ) cộng thêm một số năng lực bổ sung khác
- Một đơn vị năng lực trong một gói có thể được sử dụng chung cho nhiều CTĐT khác nhau trong cùng một gói bao gồm CTĐT cùng ngành, nghề hoặc khác ngành, nghề trong gói
- Về năng lực tự chọn: CTĐT có thể gồm năng lực tự chọn trong gói hoặc năng lực tự chọn nhập khẩu từ gói khác. Đặc điểm cho thấy các đơn vị năng lực dùng chung được khai thác tối đa trong xây dựng CTĐT của Úc

Sơ đồ mô tả



Ví dụ:

**CTĐT du lịch cấp độ 1:** CTĐT gồm 3 đơn vị chính (core units) và 3 đơn vị tự chọn. 3 đơn vị năng lực cốt lõi như sau:

<b>SITTGDE009A</b>	Hiểu các khía cạnh của văn hóa thổ dân bản địa Úc
<b>SITXCOM002</b>	Làm việc trong môi trường đa dạng văn hóa
<b>SITXOHSOO1B</b>	Tuân thủ quy định an ninh, an toàn và sức khỏe

**CTĐT du lịch cấp độ 2:** 4 đơn vị cốt lõi, 7 đơn vị tự chọn. 4 đơn vị năng lực cốt lõi như sau:

<b>SITXCOM002</b>	Làm việc trong môi trường đa dạng văn hóa
<b>SITXOHSOO1B</b>	Tuân thủ quy định an ninh, an toàn và sức khỏe
<b>SITTIND001B</b>	Phát triển và cập nhật kiến thức ngành du lịch
<b>SITXCOM001A</b>	Làm việc với đồng nghiệp và khách hàng

Có thể CTĐT chứng chỉ Du lịch cấp độ 2 có 2 đơn vị năng lực trùng cấp độ 1. Cách đóng gói như vậy đảm bảo CTĐT liên thông, người học không phải học lại kỹ năng đã có ở CTĐT khác đã có.

- Cơ sở đào tạo muốn triển khai một CTĐT mới (kết quả đầu ra không trùng với CTĐT trong gói đào tạo hoặc thuộc lĩnh vực chưa có gói đào tạo) có thể phát triển các khóa học được công nhận (accredited course) và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước và được sở hữu



bản quyền với chương trình được công nhận này. Các cơ sở khác muốn sử dụng CTĐT được công nhận này sẽ mua bản quyền với đơn vị giữ bản quyền. Hiện Úc có 750 khóa học đào tạo nghề được công nhận. Như vậy, ở Úc cả Nhà nước và tư nhân cùng phát triển các CTĐT (qualifications) (khung CTĐT)

**(3) CTĐT chi tiết các trường:** Các cơ sở đào tạo căn cứ khung CTĐT (qualification) quy định trong gói đào tạo hoặc CTĐT được kiểm định để xây dựng CTĐT chi tiết trong đó: tuân thủ số lượng đơn vị năng lực chính và năng lực tự chọn như CTĐT khung, quy định số giờ tối thiểu của CTĐT là tổng số giờ tối thiểu cho từng đơn vị năng lực trong đó số giờ bao gồm cả học trực tiếp và giờ tự học, số giờ học trực tiếp thường ít nhất bằng 60% tổng số giờ môn học.

**(4) Về việc gán tín chỉ:** CTĐT không gán tín chỉ cho từng đơn vị năng lực mà vẫn để số giờ tối thiểu. Với bất kỳ bằng cấp nào của Úc, người học đều được công nhận với năng lực tích lũy được ở phạm vi quốc gia.

Theo chính sách liên thông khung trình độ quốc gia Úc: Thỏa thuận công nhận khối lượng học tập/năng lực (credit agreement) được đàm phán giữa các tổ chức công nhận năng lực cho sinh viên ở bất kỳ cấp độ nào, theo chiều dọc hoặc chiều ngang, sẽ tính đến khả năng so sánh và sự tương đương của:

- Kết quả học tập.
- Khối lượng học tập.
- Chương trình học, bao gồm nội dung, và
- Phương pháp tiếp cận học tập và đánh giá.

Thỏa thuận giữa các tổ chức công nhận khối lượng học tập cho sinh viên học lên trình độ cao hơn AQF trong cùng một chuyên ngành hoặc một chuyên ngành liên quan, sử dụng những điều sau đây làm cơ sở xác định::

- Bằng Advanced Diploma hoặc Bằng Associate (tương đương bằng cao đẳng của Việt Nam) tính bằng 50% tín chỉ cho với Bằng Cử nhân 3 năm của Úc
- Bằng Advanced Diploma hoặc Bằng Associate (tương đương bằng cao đẳng của Việt Nam) tính bằng 37,5% tín chỉ so với Bằng Cử nhân 4 năm của Úc
- Văn bằng Diploma (tương đương bằng Trung cấp của Việt Nam) tính bằng 33% tín chỉ cho với Bằng Cử nhân 3 năm của Úc
- Bằng Diploma (tương đương bằng Trung cấp của Việt Nam) tính bằng 25% tín chỉ Bằng Cử nhân 4 năm.

Theo hệ thống tín chỉ học thuật của Úc, Bằng Cử nhân yêu cầu hoàn thành 144 tín chỉ (cho Bằng Cử nhân 3 năm) và Thạc sỹ 96 tín chỉ (mỗi kỳ học 4 môn tương đương 24-32 tín chỉ/kỳ, mỗi môn 6-8 tín chỉ).

**(5) Về đánh giá:** Không thi giữa kỳ, cuối kỳ mà đánh giá Đủ năng lực (competent)/không đủ năng lực (not competent) đối với mỗi đơn vị năng lực. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi toàn bộ các đơn vị năng lực trong CTĐT đánh giá là đủ năng lực.

## 2. MÔ HÌNH VỀ THIẾT KẾ CTĐT TRONG GDNN CỦA ANH

### **(1) Căn cứ xây dựng CTĐT chi tiết để giảng dạy tại các cơ sở GDNN**

Các cơ sở GDNN sẽ căn cứ chương trình khung đối với từng ngành, nghề đào tạo do tổ chức cấp bằng quy định để xây dựng CTĐT chi tiết. Các tổ chức cấp bằng (awarding bodies) (ví dụ như Pearson) thiết kế các CTĐT (khung) và đăng ký với Cơ quan Quản lý về bằng cấp và kiểm tra (Ofqual). Các tổ chức cấp bằng có thể là các doanh nghiệp thương mại, tổ chức ngành hoặc tổ chức liên ngành... Tổ chức cấp bằng thường hợp tác với tổ chức xây dựng tiêu chuẩn nghề (SSO) và người sử dụng lao động khi xây dựng CTĐT. Các cơ sở GDNN muốn đào tạo chương trình của một tổ chức cấp phát bằng nào đó sẽ hợp tác với cơ quan cấp phát bằng để đăng ký là trung tâm được phê duyệt (approved training center) của tổ chức cấp phát bằng đó.

Toàn bộ các chương trình khung của các tổ chức cấp phát bằng đều được đăng tải trên website của Ofqual. Như vậy ở Anh, Nhà nước không trực tiếp quy định chuẩn đầu ra hay các CTĐT khung mà kiểm soát đối với cơ quan cấp phát bằng, cơ quan cấp phát bằng mới là tổ chức xây dựng CTĐT để “chào hàng” đối với cơ sở đào tạo lựa chọn sử dụng chương trình của họ.

Trong phạm vi báo cáo này, báo cáo sẽ phân tích cách tiếp cận CTĐT của Pearson Education Ltd. là cơ quan cấp phát bằng lớn nhất của Vương quốc Anh.

### **(2) Cách tiếp cận trong xây dựng CTĐT của Pearson Education Ltd**

Pearson Education Ltd phân loại xây dựng CTĐT theo từng lĩnh vực ngành (sector subject area) ví dụ như Xây dựng công trình (building and construction), Kỹ thuật (engineering), Chăm sóc sức khỏe và xã hội (health and social care), Quản trị kinh doanh (business)... và trong mỗi lĩnh vực sẽ có rất nhiều CTĐT khác nhau ở cấp trình độ đào tạo khác nhau của GDNN.

Ví dụ lĩnh vực xây dựng có tới 402 CTĐT cụ thể theo từng cấp độ, trong quản trị kinh doanh (business) có tới 237 CTĐT.

Cách tiếp cận xây dựng CTĐT của Pearson Education Ltd:

- Cấu trúc đơn giản và linh hoạt cho phép người học sau khi hoàn thành một trình độ đào tạo có thể học lên bậc cao hơn dựa trên kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được (chỉ phải học các đơn vị bổ sung) và được lựa chọn các đơn vị tự chọn trong lĩnh vực chuyên môn của họ.
- Tích lũy kiến thức kỹ năng để liên thông lên đại học hoặc tìm kiếm việc làm.
- Trang bị năng lực cốt lõi trong suốt chương trình giảng dạy, để hỗ trợ các kỹ năng học tập suốt đời cho sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

## (2.1) Cấu trúc chương trình xác định:

Tổng giá trị tín chỉ của CTĐT

Tín chỉ tối thiểu cần đạt được để được cấp văn bằng chứng chỉ

### **Chương trình:**

#### **(1) các đơn vị bắt buộc:**

- đơn vị cốt lõi cần thiết (core units) và
- đơn vị chuyên môn cần thiết (specialist units).

#### **(2) các đơn vị lựa chọn**

Trong đó các đơn vị bắt buộc gồm: Các đơn vị chuyên môn cung cấp trọng tâm nghề nghiệp cụ thể cho trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của cơ quan chuyên môn; các đơn vị tùy chọn: cung cấp kiến thức kỹ năng rộng hơn, sâu hơn của chuyên môn và có thể chỉnh sửa theo nhu cầu đặc thù địa phương.

- Kỹ năng làm việc hay có thể chuyển đổi (employability skills hay transferred skills): Ngoài các đơn vị của CTĐT, chương trình còn xác định Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem-solving Kỹ năng độc lập (Independent skill); Kỹ năng kết nối giữa các cá nhân (Interpersonal skills); Kỹ năng thương mại (Commercial ); Kỹ năng kinh doanh (Business ). Ngoài ra còn có kiến thức kỹ năng học tập cần thiết để học liên thông đại học gồm nghiên cứu chủ động (active research); viết hiệu quả (effective); kỹ năng phân tích (analytical); tư duy phản biện (critical thinking); kỹ năng giải quyết vấn đề (creative problem solving); kỹ năng ra quyết định (decision making), chuẩn bị các bài kiểm tra (preparing for exams), và sử dụng công nghệ số (using digital technology). Trong đó từng kỹ năng cụ thể của từng nhóm kỹ năng trên được tích hợp vào từng đơn vị học tập.

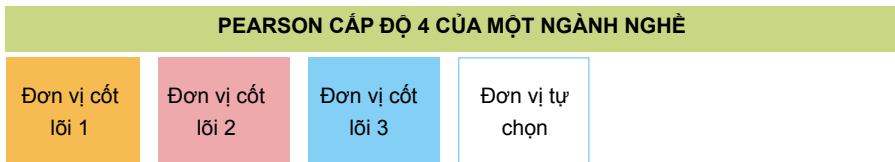
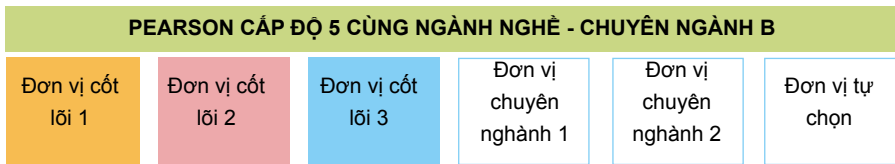
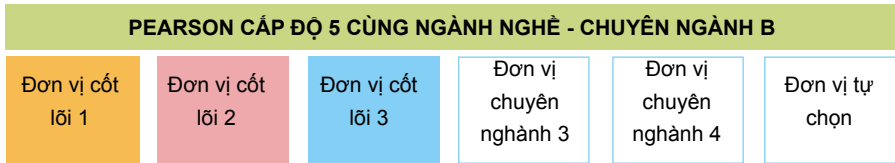
Ngoài thông tin về cấu trúc CTĐT như trên, cuốn Thông tin chi tiết (Specification) còn mô tả mục đích, mục tiêu từng CTĐT, chuẩn đầu ra, các chuẩn bị cho người học có việc làm, kế hoạch CTĐT, đánh giá, đảm bảo chất lượng, sự hỗ trợ của cơ sở đào tạo, công nhận học tập trước đó. Ngoài mô tả mục tiêu từng chương trình còn mô tả chuẩn đầu ra chung của CTĐT và trong từng đơn vị năng lực có mô tả chuẩn đầu ra cụ thể.

## (2.2) Đặc trưng mô hình:

- Chương trình gồm năng lực cốt lõi và năng lực tự chọn
- CTĐT ở trình độ đào tạo cao hơn sẽ bao gồm toàn bộ đơn vị cốt lõi của chương trình ở bậc thấp hơn và thêm các mô đun bổ sung

- Ở cấp độ cao như cấp độ 5 sẽ phân chia chuyên ngành hẹp và CTĐT ngoài đơn vị cốt lõi ở cấp độ 4 sẽ gồm các đơn vị chuyên ngành tương ứng

Sơ đồ mô tả



- Ví dụ cấu trúc về CTĐT khung của 2 CTĐT (qualification) Pearson BTEC cấp độ 4 nghề Kinh doanh (Pearson BTEC Level 4 Higher National Certificate in Business: 603/6837/8 và Pearson cấp độ 5 nghề Kinh doanh (Pearson BTEC Level 5 Higher National Diploma in Business): 603/6838/X trong quyển Tài liệu chuyên môn (Specification) cấp bằng Higher Nationals Business mới cập nhật năm 2021 như sau:

Trong 2 cấp độ này thì cấp độ 4 cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng trong lĩnh vực Kinh doanh và chưa chia ngành hẹp trong khi CTĐT cấp độ 5, người học có thể lựa chọn chuyên ngành hẹp trong Pearson cấp độ 5 trong Kinh doanh (Pearson BTEC Level 5 Higher National Diploma) gồm: Kế toán và Tài chính (Accounting and Entrep), Quản lý doanh nghiệp nhỏ (Small Business); Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource)...Người học phải học thêm một số mô đun cốt lõi ở cấp độ 4 cộng thêm mô đun cốt lõi của cấp độ 5 và đơn vị chuyên ngành tùy theo chuyên ngành của cấp độ 5.

Ví dụ: 06 đơn vị bắt buộc của cấp độ 4 về kinh doanh gồm:

<b>CÁC ĐƠN VỊ CỐT LÕI BẮT BUỘC CỦA CẤP ĐỘ 4</b>	1. Kinh doanh và môi trường kinh doanh
	2. Quy trình marketing và lập kế hoạch
	3. Quản lý nhân sự
	4. Quản lý, quản trị
	5. Nguyên tắc kế toán
	6. Quản lý dự án thành công

Các đơn vị bắt buộc của cấp độ 5 về kinh doanh, chuyên ngành hẹp về kế toán tài chính gồm 06 đơn vị của cấp độ 4, 2 đơn vị cốt lõi chung và 4 đơn vị cốt lõi chuyên ngành

<b>GỒM CÁC ĐƠN VỊ CỐT LÕI BẮT BUỘC CỦA CẤP ĐỘ 4</b>	1. Kinh doanh và môi trường kinh doanh
	2. Quy trình marketing và lập kế hoạch
	3. Quản lý nhân sự
	4. Quản lý, quản trị
	5. Nguyên tắc kế toán
	6. Quản lý dự án thành công
<b>ĐƠN VỊ CỐT LÕI (CHUNG CHO CÁC CTĐT CẤP ĐỘ 5 BUSINESS</b>	19. Báo cáo nghiên cứu
<b>ĐƠN VỊ CHUYÊN NGÀNH</b>	20. Kết cấu tổ chức
	21. Báo cáo tài chính
	22. Kế toán quản lý

### (2.3) Về gán tín chỉ:

Mỗi CTĐT đều ghi rõ tổng số tín chỉ đạt của trình độ, tương đương số đơn vị học tập, tổng số giờ học trong đó tổng số giờ có hướng dẫn. Mỗi đơn vị thường được gán 15 tín chỉ. Mỗi đơn vị học tập gồm 15 tín chỉ (mỗi tín chỉ 10h), có tổng thời lượng là 150 giờ gồm 60 giờ học có hướng dẫn (GLH) và 90 giờ học độc lập (ILH).

<p>Pearson BTEC cấp độ 4 Chứng chỉ quốc gia bậc cao nghề Kinh doanh</p> <p>Yêu cầu ít nhất 120 tín chỉ, gồm 8 đơn vị, mỗi đơn vị tương đương gồm 15 tín chỉ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 6 tín chỉ cốt lõi và 2 đơn vị lựa chọn.</li> <li>• Tổng thời lượng: 1.200 giờ.</li> <li>• Giờ học có hướng dẫn: 480 giờ</li> </ul>	<p>Pearson BTEC cấp độ 5 Higher Nationals Diploma nghề Kinh doanh</p> <p>Yêu cầu 240 tín chỉ, trong đó 120 tín chỉ ở Cấp độ 4 (8 đơn vị) và 120 tín chỉ ở Cấp độ 5 (7 đơn vị)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổng thời gian đủ tiêu chuẩn = 2.400 giờ.</li> <li>• Tổng số giờ học có hướng dẫn = 960 giờ.</li> </ul>
--	--

### (2.4) Kiểm tra, đánh giá:

Sinh viên được đánh giá cho điểm ở mỗi đơn vị học tập ở 3 mức:

- Đạt (Pass) (4 điểm),
- Khá (Merit) (6 điểm) và
- Giỏi (Distinction) (8 điểm)

Tổng số điểm đạt của toàn bộ các đơn vị sẽ được tính để quy đổi xếp loại tốt nghiệp, bằng đạt loại Đạt (Pass) khi tổng số điểm 420-599 điểm; đạt Khá (Merit): 600-839 điểm, Giỏi (Distinction) 840 điểm trở lên.

Để được cấp bằng phải học đủ toàn bộ số đơn vị học tập tương đương số tín chỉ tối thiểu và đạt mức Đạt (Pass) đối với một số lượng tín chỉ nhất định (khoảng 80%). Ví dụ để được cấp bằng Pearson Btech cấp độ 4 Kinh doanh thì học đủ 120 tín chỉ cấp độ 4 và đạt mức Đạt (Pass) ít nhất 105 tín chỉ cấp độ 4.



### 3. MÔ HÌNH VỀ THIẾT KẾ CTĐT TRONG GDNN CỦA MỸ

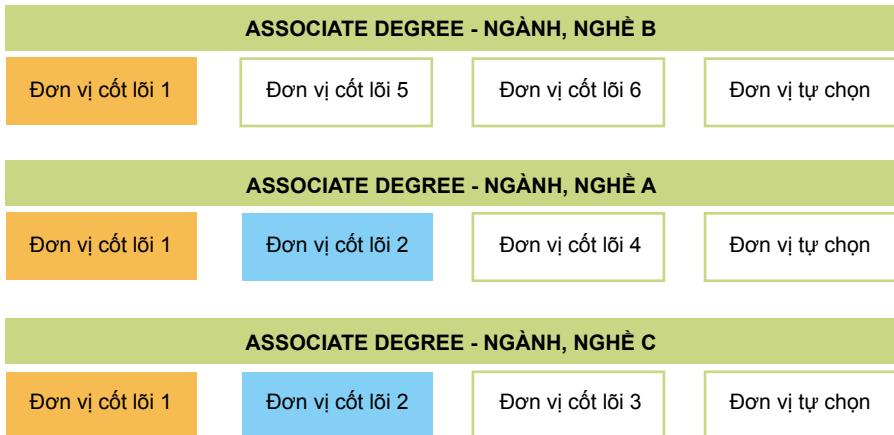
CTĐT cấp bằng Associate Degree của Mỹ được công nhận tương đương trình độ cao đẳng của Việt Nam. Đây là chương trình ở bậc đào tạo trên phổ thông trung học và dưới đại học và chương trình này được giảng dạy ở các trường cao đẳng/đại học cộng đồng (hiện có khoảng 1.462 trường đại học/cao đẳng cộng đồng ở Mỹ).

Có 3 loại chương trình Associate Degree là A.A (Associate of Arts degree); A.S. (Associate of Science degree); A.A.S. (Associate of Applied Science degree). Trong đó, A.A. and A.S. được gọi là chương trình chuyển đổi để học lên trình độ đại học còn A.A.S là chương trình định hướng tốt nghiệp sẽ gia nhập ngay thị trường lao động, tuy nhiên dù không phổ biến nhưng một số chương trình đại học 4 năm đã dần chấp nhận liên thông từ AAS.

#### (1) Đặc trưng mô hình

- Chương trình được chia thành (i) các môn bắt buộc gồm: Giáo dục phổ thông, lĩnh vực chuyên môn và (ii) các môn lựa chọn.
- Một số môn học được thiết kế có thể sử dụng chung cho các chương trình khác nhau.

Sơ đồ mô tả



Ví dụ: CTĐT Quản trị kinh doanh, quản trị khách sạn cấp bằng Associate Degree của trường CĐ Broward như sau:

<b>Quản trị khách sạn</b>	<b>Quản trị kinh doanh*</b>	<b>Phát triển phần mềm</b>
<b>Nhập môn văn học</b>	<b>Nhập môn văn học*</b>	<b>Nhập môn văn học*</b>
<b>Nguyên lý sinh học</b>	<b>Nguyên lý sinh học</b>	A+ toàn diện (A+ Comprehensive)
<b>Đại số cao cấp</b>	<b>Đại số cao cấp*</b>	Đại số
<b>Viết luận 1</b>	<b>Viết luận 1*</b>	Client-Side Scripting
<b>Luật kinh doanh</b>	<b>Luật kinh doanh*</b>	Hợp phần 1
<b>Giao tiếp trong môi trường kinh doanh</b>	<b>Giao tiếp trong môi trường kinh doanh</b>	Quản lý hệ thống thông tin (Information Management System)
<b>Nhập môn kinh doanh</b>	<b>Nhập môn kinh doanh*</b>	Nhập môn Thiết kế cơ sở dữ liệu & MySQL
<b>Nhập môn dịch vụ khách hàng</b>	<b>Nhập môn dịch vụ khách hàng*</b>	Giới thiệu CT
<b>Nhập môn quản trị</b>	<b>Nhập môn quản trị*</b>	Mạng (network)
<b>Nhập môn truyền thông và diễn thuyết</b>	<b>Nhập môn truyền thông và diễn thuyết*</b>	Phân tích, thiết kế định hướng mục tiêu
<b>Nguyên lý kế toán</b>	<b>Nguyên lý kế toán*</b>	Nguyên tắc sinh học cho người không học chuyên ngành
<b>Kinh tế vĩ mô</b>	<b>Kinh tế vĩ mô*</b>	Nguyên tắc kinh tế vĩ mô
<b>Máy tính và mạng internet</b>	<b>Máy tính và mạng internet*</b>	Lập trình 1
Quản trị Marketing và hội thảo	Quảng cáo	Lập trình 2
Hệ thống quy trình tiền sảnh	Các Phần mềm/Ứng dụng Kế toán	Quản lý dự án,
Marketing ngành dịch vụ khách hàng	Bảng tính Điện tử	Kỹ năng công nghệ thông tin STEM
Quản trị khách sạn	Khởi nghiệp	Web (Web )
Nhập môn quản trị khách sạn nhà hàng	Môi trường Kinh doanh Quốc tế	
Nhập môn tổ chức và nhân sự	Nhập môn Marketing trong Thế kỉ 21	
Phát triển giám sát	Kế toán Quản trị	
	Nguyên lý Kế toán II	

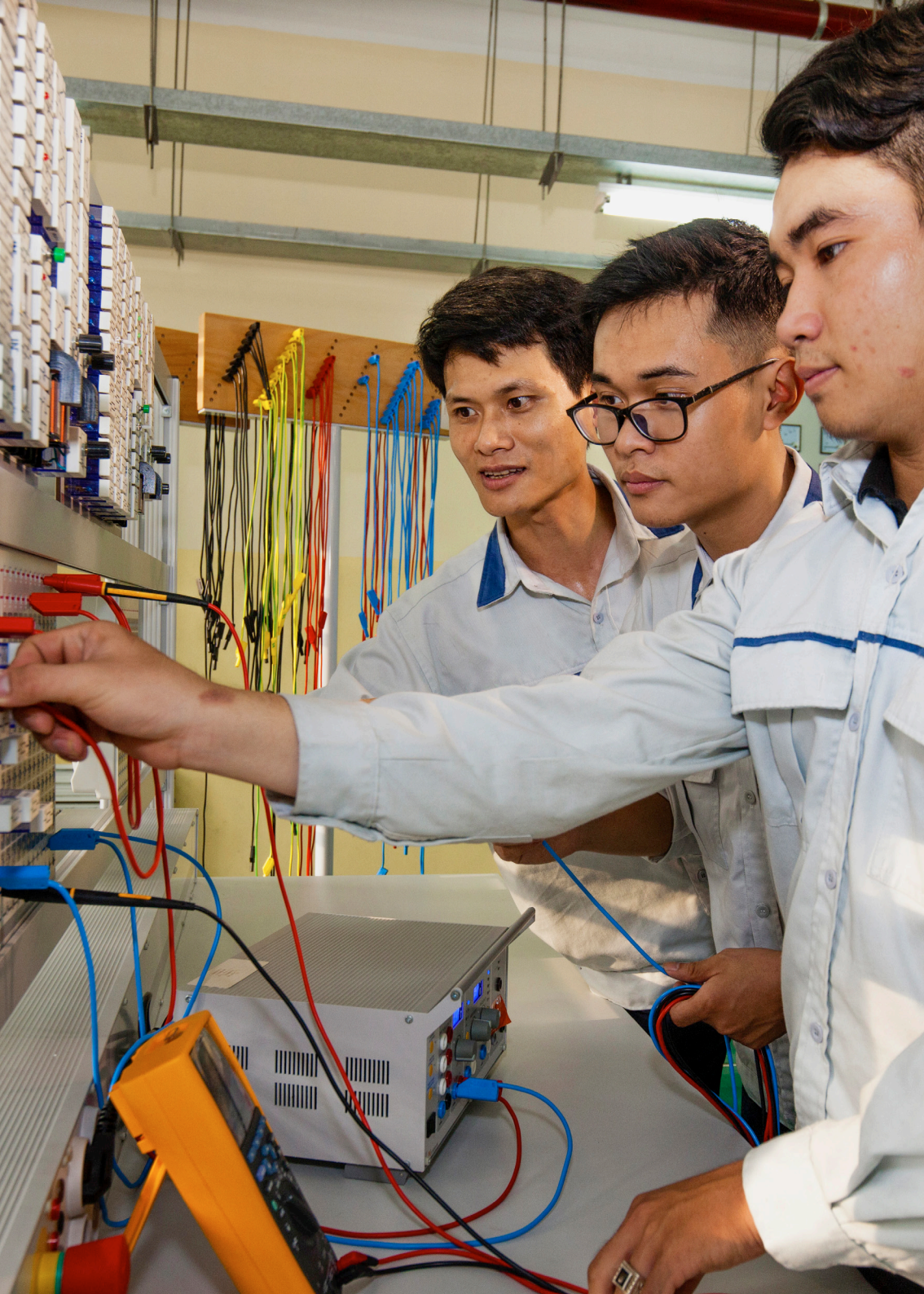
**(2). Về gán tín chỉ:** Mỗi môn học được gán tín chỉ. Chương trình cấp bằng Associate Degree thường gồm 60 tín chỉ, thời gian học trong 2 năm chiếm  $\frac{1}{2}$  số tín chỉ chương trình bậc đại học thường từ 120-128 tín chỉ học trong 4 năm. Cũng có loại 80 tín chỉ chủ yếu là bằng ASS (bằng nghề) nhưng ít phổ biến hơn.

Tín chỉ được tính bằng một giờ học trên lớp hoặc hướng dẫn trực tiếp cộng với tối thiểu hai giờ làm việc bên ngoài lớp học, mỗi tuần, trong mười lăm tuần cho học kỳ. Một giờ có thể được chấp nhận là một giờ công việc được thực hiện trong phòng thí nghiệm, studio, thực tế, thực tập và các hoạt động học thuật khác)

**(3) Về đánh giá:** Việc đánh giá theo từng đơn vị học tập độc lập. Để được cấp bằng, ngoài tích lũy đủ tín chỉ của các đơn vị cốt lõi và tự chọn, một số bang yêu cầu còn gồm điểm trung bình (GPA) và giới hạn về thời gian, có bang yêu cầu căn cứ cả bài thi đánh giá năng lực cuối khóa như bang Florida Mỹ yêu cầu đối với CTĐT của cao đẳng Broward.









**TRIỂN KHAI CTĐT THEO MÔ ĐUN  
TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
TẠI VIỆT NAM**

## 1. QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG CTĐT TẠI VIỆT NAM

Hiện nay việc xây dựng CTĐT trong GDNN tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật GDNN năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn. Quy định về xây dựng CTĐT theo Luật GDNN năm 2014 có sự thay đổi cơ bản so với quy định tại Luật Dạy nghề 2006

Luật Dạy nghề 2006	Luật GDNN 2014
<p>Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương ban hành chương trình khung trung cấp nghề, cao đẳng nghề</p> <p>Căn cứ vào chương trình khung, hiệu trưởng các trường tổ chức biên soạn và phê duyệt chương trình dạy nghề của trường mình.</p> <p>70% nội dung đào tạo được quy định trong chương trình khung và 30% còn lại các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung để tổ chức giảng dạy.</p>	<p>Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp (chuẩn đầu ra)</p> <p>Người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn và phê duyệt CTĐT các trình độ giáo dục nghề nghiệp</p>
<p>Đến năm 2016, đã tổ chức xây dựng và ban hành được 265 chương trình khung trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho 265 nghề; xây dựng mới 205 bộ phiếu phân tích nghề, phân tích công việc.</p>	<p>Đến hết năm 2022, đã xây dựng chuẩn đầu ra cho 300 ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp.</p>

- Nội dung và quy trình xây dựng chuẩn đầu ra trình độ CĐ, TC thực hiện theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 20/4/2017

Cấu trúc chuẩn đầu ra

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC  
MÀ NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

TRÌNH ĐỘ: .....

NGÀNH/NGHỀ: .....

1. Giới thiệu chung về ngành/ngành
2. Kiến thức
3. Kỹ năng
4. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm
5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp
6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU  
VỀ NĂNG LỰC CHO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

1. Tên vị trí việc làm A
  - 1.1. Kiến thức
  - 1.2. Kỹ năng
  - 1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm
  - 1.4. Các đơn vị năng lực của vị trí việc làm
    - 1.4.1. Danh mục các năng lực của vị trí việc làm

STT	TÊN ĐƠN VỊ NĂNG LỰC	BẬC (theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia)				
		Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
<b>1. CÁC NĂNG LỰC CƠ BẢN</b>						
1.1						
1.2						
...						

<b>2. CÁC NĂNG LỰC CHUNG</b>						
2.1						
2.2						
...						
<b>3. CÁC NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN</b>						
3.1						
3.2						
...						

1.4.2. Yêu cầu kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho từng năng lực (Trình bày các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cho từng năng lực của từng vị trí việc làm).

a) Các năng lực cơ bản

- Yêu cầu kiến thức
- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

b) Các năng lực chung

- Yêu cầu kiến thức -Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

c) Các năng lực chuyên môn

- Yêu cầu kiến thức
- Yêu cầu kỹ năng
- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

2. Tên vị trí việc làm B

.....



- Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 01/3/2017 (theo kế hoạch sẽ chỉnh sửa năm 2023)

+ Cấu trúc của CTĐT (Điều 4)

Cấu trúc CTĐT theo từng ngành, nghề được thiết kế gồm:

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1. Tên ngành, nghề đào tạo; | 7. Thời gian khóa học;                         |
| 2. Mã ngành, nghề;          | 8. Khối lượng kiến thức toàn khóa học;         |
| 3. Trình độ đào tạo;        | 9. Danh mục và thời lượng các môn học, mô đun; |
| 4. Đối tượng tuyển sinh;    | 10. Chương trình chi tiết các môn học, mô đun; |
| 5. Thời gian đào tạo;       | 11. Hướng dẫn sử dụng CTĐT.                    |
| 6. Mục tiêu đào tạo;        |  |

+ Thời gian khóa học và đơn vị thời gian trong CTĐT (Điều 5)

a) Thời gian khóa học theo niên chế:

Thời gian khóa học đối với trình độ cao đẳng từ 2 đến 3 năm học và phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo từng ngành, nghề đào tạo là 60 tín chỉ.

Thời gian khóa học đối với trình độ trung cấp từ 1 đến 2 năm học và phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo từng ngành, nghề đào tạo là 35 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, 50 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

b) Thời gian khóa học theo tích lũy mô đun hoặc tín chỉ: là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô đun hoặc tín chỉ quy định cho từng CTĐT cụ thể.

Mỗi môn học, mô đun có khối lượng từ 2 đến 6 tín chỉ tùy theo kết cấu của từng môn học, mô đun được thiết kế; với một số môn học, mô đun đặc thù hoặc được quy định riêng có thể có số lượng tín chỉ nhỏ hơn 2 hoặc lớn hơn 6.

c) Thời gian học lý thuyết và thời gian thực hành, thực tập, thí nghiệm tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ sau:

Đối với trình độ trung cấp: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%.

Đối với trình độ cao đẳng: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%.

+ Đơn vị thời gian trong CTĐT

Thời gian học tập tính theo giờ và được quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập tối thiểu đối với từng cấp trình độ đào tạo. Đơn vị thời gian trong CTĐT được tính quy đổi như sau:

a) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.

b) Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BL ĐTBXH ngày 30/3/2022 (thay thế Thông tư 09/2017/TT-BL ĐTBXH).

+ Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khoá học, cho phép học sinh, sinh viên (sau 2 đây gọi chung là người học) cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất.

+ Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Dự thảo Thông tư mới về chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra gồm nội dung sau:

1. Tên ngành, nghề đào tạo
2. Trình độ đào tạo
3. Khối lượng kiến thức tối thiểu
4. Yêu cầu về năng lực

- Yêu cầu về kiến thức: Kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật; kiến thức chuyên môn của ngành, nghề đào tạo

- Yêu cầu về kỹ năng: Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp và các kỹ năng xã hội và kỹ năng cá nhân;

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm: Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân.”

Mẫu định dạng chuẩn đầu ra cho một ngành nghề:

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC  
NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC KHI TỐT NGHIỆP**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

**NGÀNH/NGHỀ .....**

**MÃ NGÀNH/NGHỀ: .....**

1. Giới thiệu chung về ngành/nghề (mô tả nghề)
2. Yêu cầu chung của ngành/nghề
  - a) Yêu cầu về kiến thức
  - b) Yêu cầu về kỹ năng
  - c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm
3. Các năng lực của ngành/nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ)
I	Năng lực cơ bản (chung)		
1	NLCB-01		
2	NLCB-02		
...	...		
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)		
3	NLCL-01		
4	NLCL-02		
...	...		
III	Năng lực nâng cao		
5	NLNC-01		
6	NLNC-02		
...	...		

Theo định nghĩa tại dự thảo Thông tư: Năng lực cơ bản là các năng lực có tính chất chung, nền tảng mà người học cần phải có làm cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên môn và hỗ trợ cho việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Năng lực cốt lõi là các năng lực có tính thiết yếu, bắt buộc phải có để thực hiện được các nhiệm vụ và công việc của một ngành, nghề cụ thể tương ứng với trình độ đào tạo. Năng lực nâng cao là các năng lực có mức độ phức tạp, chuyên sâu cao được bổ sung, tăng cường để hoàn thiện các kỹ năng làm việc một cách đa dạng, linh hoạt nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc theo từng lĩnh vực ngành, nghề đào tạo.)

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/nghề (giờ, tín chỉ)

## 2. TIẾP CẬN CỦA GIZ TVET VỀ THIẾT KẾ CTĐT THEO MÔ ĐUN

### 2.1. Thông tin chung

Chương trình GIZ TVET hỗ trợ 11 cơ sở GDNN trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao trong đào tạo một số ngành, nghề.

STT	Tên trường	Ngành, nghề được GIZ TVET hỗ trợ	Đã triển khai CTĐT
1	Trường cao đẳng nghề An Giang	Cơ điện tử	x
2	Trường cao đẳng Xây dựng số 1	Nghề Kỹ thuật xử lý nước thải	x
3	Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Cơ điện tử Ô tô	x
4	Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận	- Điện tử công nghiệp, - Cơ điện tử - Năng lượng tái tạo	x
5	Trường cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	- Cắt gọt Kim loại; - Điện tử công nghiệp	x
6	Trường cao đẳng Quốc tế Công nghệ Lilama 2	- Cơ điện tử, - Điện tử công nghiệp, - Cắt gọt kim loại, - Cơ khí xây dựng	x
7	Trường cao đẳng Long An	Cơ Điện tử	x
8	Trường cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh	- Cắt gọt Kim loại;	
9	Trường cao đẳng Công nghiệp Huế	- Nghề Kỹ thuật xử lý nước thải - Cơ Điện tử	x
10	Trường cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi	Nghề Công nghệ điện tử và Năng lượng tòa nhà và Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí.	x
11	Trường cao đẳng Kỹ nghệ II	Nghề Kỹ thuật xử lý nước thải	

Các chuyên gia quốc tế làm việc tại các cơ sở đối tác để tư vấn cho cán bộ quản lý và giảng viên về các vấn đề tổ chức và kỹ thuật, đặc biệt là thiết kế và triển khai các CTĐT phối hợp định hướng theo nhu cầu và định hướng thực hành, cụ thể như sau:

Để có thể thực hiện đào tạo chất lượng cao, đến 06/2021:

- Hơn 500 giảng viên đã được tập huấn kỹ lưỡng nhằm nâng cao kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành và giảng dạy cũng như kỹ năng chấm thi.
- 85 cán bộ quản lý đã được tập huấn để đảm bảo triển khai đào tạo phối hợp ở cấp quản lý.
- Từ các doanh nghiệp đối tác, 71 cán bộ đào tạo tại doanh nghiệp đã đủ điều kiện để giới thiệu, cải thiện và cung cấp các giai đoạn đào tạo bài bản tại doanh nghiệp. 33 giám khảo từ các công ty đối tác đã được tập huấn để đảm bảo quá trình đánh giá cuối kỳ có sự tham gia của khối Doanh nghiệp.
- Cho đến nay, 16 hội đồng tư vấn nghề đã được thành lập tại các cơ sở đối tác để đảm bảo sự trao đổi thường xuyên, có tổ chức giữa tất cả các bên liên quan bao gồm đại diện doanh nghiệp, hiệp hội ngành, Tổng cục GDNN, các bộ chủ quản và cơ sở GDNN để liên tục cải tiến và tối ưu hóa đào tạo.

Đối với các trường đang triển khai CTĐT, chi tiết số lớp và sinh viên như sau:

<b>Nghề</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lớp</b>	<b>Số lượng học viên</b>	<b>Hội đồng tư vấn nghề</b>	<b>Số lượng doanh nghiệp đối tác</b>
Cơ điện tử	Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận	02	48	01	06
	Cao đẳng nghề An Giang	03	64	01	07
	Trường cao đẳng Long An	01	24	01	03
	Trường cao đẳng Công nghiệp Huế	01	18	01	10
Cắt gọt kim loại	Trường cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	02	39	01	12
	Trường cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh	01	21	01	03
	Trường cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi	01	(TS 2023)	01	06
Điện tử công nghiệp	Trường cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi	01	39	01	04
	Trường cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	01	31	01	08
Thoát nước và xử lý nước thải	Trường cao đẳng Xây dựng số 1	01	15	01	05
	Trường cao đẳng Công nghiệp Huế	01	16	01	03
<b>TỔNG</b>		<b>15</b>	<b>315</b>	<b>11</b>	<b>67</b>

Nguồn: Chương trình GIZ TVET Việt Nam

## 2.2. Cách tiếp cận của GIZ TVET

Tham gia biên soạn CTĐT bao gồm giảng viên các trường thụ hưởng, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp đối tác, chuyên gia GIZ TVET

Quy trình xây dựng như sau:



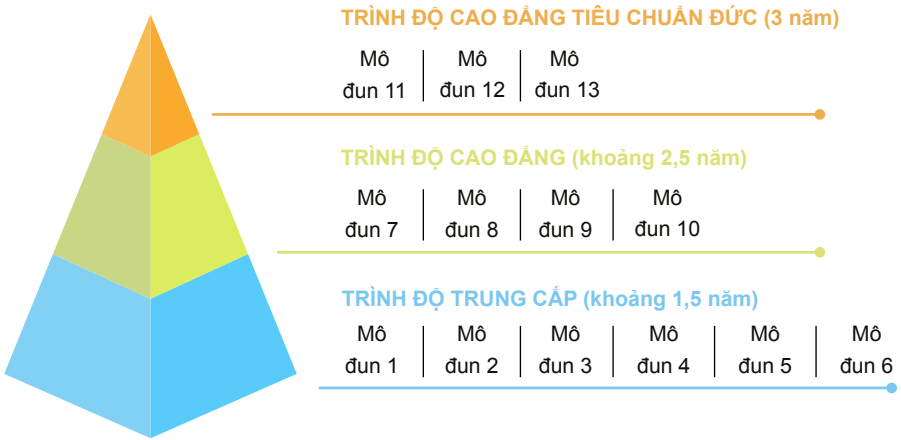
CTĐT mỗi nghề được thiết kế ở các cấp trình độ khác nhau như sau:

CTĐT trình độ trung cấp	1.5 năm	6 môn bắt buộc 6 mô đun chuyên môn chung
CTĐT trình độ Cao đẳng	khoảng 2.5 năm	6 môn bắt buộc 10 mô đun chuyên môn (trong đó 6 mô đun trùng trình độ TC)
<b>CTĐT trình độ Cao đẳng nâng cao</b>	<b>3 năm</b>	6 môn bắt buộc 12 mô đun chuyên môn (10 mô đun của TĐ cao đẳng)
Liên thông trung cấp cao đẳng		Thêm 4 mô đun (từ mô đun 7 đến mô đun 10)
Liên thông cao đẳng lên cao đẳng nâng cao		Thêm 2 mô đun (từ mô đun 11 đến mô đun 12)

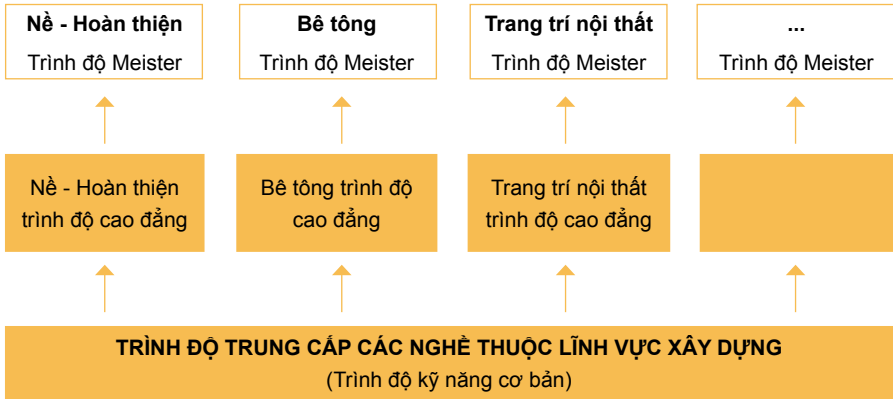
#### Đặc điểm của CTĐT

- CTĐT được biên soạn theo định hướng nhu cầu và có tính liên thông giữa 03 trình độ đào tạo khác nhau, không chỉ trong một ngành, nghề mà còn giữa các ngành nghề khác nhau (khai thác, sử dụng mô đun chung giữa các ngành, nghề đào tạo khác nhau và giữa các trình độ đào tạo)
- Cho phép chứng nhận độc lập từng mô đun đơn lẻ
- Các mô đun độc lập có thể sử dụng trong đào tạo ngắn hạn
- Các chương trình này cũng đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình và chuẩn đầu ra của Việt Nam và cấp độ cao nhất của CTĐT này cũng đã được Phòng thủ công nghiệp Đức, chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng đào tạo kép của Đức, thẩm định và công nhận tương đương tiêu chuẩn Đức về nội dung lý thuyết và thực hành.
- Các mô đun đào tạo định hướng thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu, có tích hợp các yếu tố về: (i) Số hóa và I4.0; (ii) Giáo dục nghề nghiệp xanh, bảo vệ môi trường vào từng mô đun (iii) Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động; (iv) Giới và hòa nhập.
- Nếu người học có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu và tốt nghiệp chương trình này sẽ được đánh giá tương đương bằng nghề của Đức

Sơ đồ thể hiện như sau:



Nguồn: Chương trình GIZ TVET Việt Nam



Nguồn: Chương trình GIZ TVET Việt Nam



**CƠ KHÍ XÂY DỰNG: TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (XẤP XỈ 1,5 NĂM)**

<b>Mô-đun 1</b>	<b>Mô-đun 2</b>	<b>Mô-đun 3</b>	<b>Mô-đun 4</b>	<b>Mô-đun 5</b>	<b>Mô-đun 6</b>
Sản xuất các bộ phận và bộ phận lắp ráp bằng công cụ và máy móc vận hành bằng tay	Sản xuất các bộ phận bằng máy công cụ thông thường (cố định)	Vận hành và bảo trì thiết bị và hệ thống điều khiển	Sản xuất các bộ phận lắp ráp từ tấm, ống và thanh định hình bằng máy công cụ công nghệ xây dựng	Sản xuất các bộ phận lắp ráp: Nối bằng hàn hồ quang, bằng tay và tách, uốn thẳng bằng nhiệt	Sản xuất các bộ phận lắp ráp: Nối bằng hàn khí hoạt tính kim loại (MAG)

**CẮT GỌN KIM LOẠI: TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (XẤP XỈ 1,5 NĂM)**

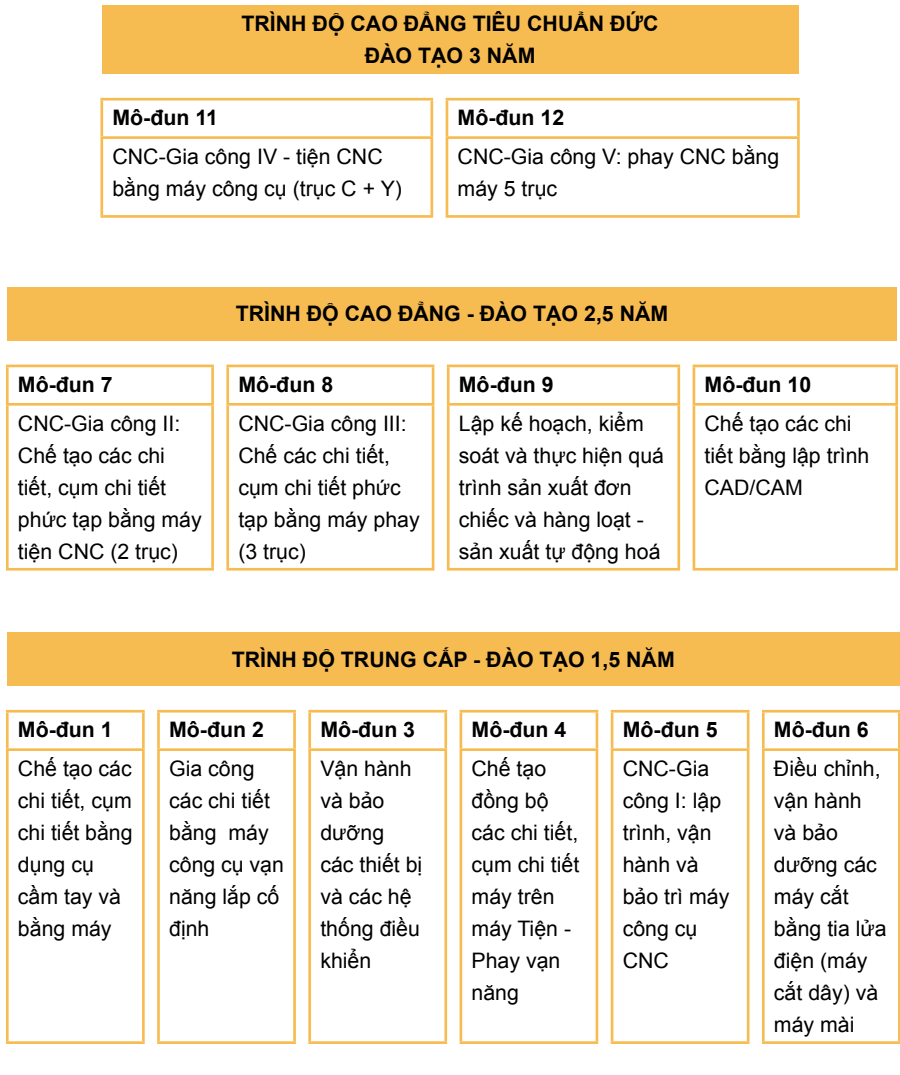
<b>Mô-đun 1</b>	<b>Mô-đun 2</b>	<b>Mô-đun 3</b>	<b>Mô-đun 4</b>	<b>Mô-đun 5</b>	<b>Mô-đun 6</b>
Sản xuất các bộ phận và bộ phận lắp ráp bằng công cụ và máy móc vận hành bằng tay	Sản xuất các bộ phận bằng máy công cụ thông thường (cố định)	Vận hành và bảo trì thiết bị và hệ thống điều khiển	Sản xuất các bộ phận lắp ráp và cụm chi tiết phức tạp bằng máy tiện và máy phay thông thường	Công nghệ sản xuất CNC I: lập trình, vận hành và bảo trì máy công cụ CNC	Thiết lập, vận hành và bảo trì máy EDM và máy mài

Nguồn: Chương trình GIZ TVET Việt Nam

Ví dụ nghề Cắt gọt kim loại

TÍNH LIÊN THÔNG

HỌC VIÊN 9+4 & 12+3



Chương trình đào tạo phù hợp cho đa dạng nguồn học viên sau tốt nghiệp THPT hoặc người lao động cũng có thể tham gia đào tạo bán thời gian

Nguồn: Chương trình GIZ TVET Việt Nam

Với cấu trúc CTĐT này, cơ sở GDNN có thể triển khai đào tạo phối hợp linh hoạt với các cấp trình độ khác nhau tại cơ sở GDNN của họ và tại doanh nghiệp đối tác theo nhu cầu và khả năng thực tế. Bên cạnh đào tạo dài hạn trình độ trung cấp và cao đẳng, cơ sở GDNN cũng có thể áp dụng/ hiệu chỉnh các mô đun đào tạo hiện có để triển khai đào tạo ngắn hạn hoặc nâng cao cho người lao động và người đang tìm kiếm việc làm theo yêu cầu cụ thể của họ.

### 3. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ XÂY DỰNG CTĐT TẠI 11 TRƯỜNG TRONG DỰ ÁN VÀ 29 TRƯỜNG NGOÀI DỰ ÁN

#### 3.1. Câu hỏi nghiên cứu

1. Thực trạng triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun ở các cao đẳng được khảo sát như thế nào?
2. Các trường đánh giá như thế nào về lợi ích, hiệu quả của CTĐT theo mô đun nói chung và theo mô đun theo tiếp cận của GIZ TVET nói riêng?
3. Những khó khăn, rào cản gì trong việc triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun?
4. Các trường có đề xuất gì để thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun?

#### 3.2. Phương pháp thực hiện

Áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp là kết hợp phương pháp định lượng và định tính.

**Chọn mẫu:** Mẫu lựa chọn 40 trường gồm 11 trường trong dự án GIZ TVET và 29 trường ngoài dự án (trong 20 trường ngoài dự án gồm các trường tư thục, công lập; có trường thuộc quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) trước năm 2017 chuyển sang, có trường thuộc quản lý nhà nước Bộ LĐTBXH từ trước năm 2017 và đảm bảo cơ cấu miền Bắc, Trung, Nam). Số lượng mẫu chọn căn cứ thời gian được yêu cầu phải hoàn thiện báo cáo nghiên cứu.

Nghiên cứu thực hiện qua 2 giai đoạn.

- **Giai đoạn 1:** Thu thập thông tin bằng bảng hỏi dưới hình thức google form gồm cả câu hỏi mở và câu hỏi đóng gửi cho đại diện 40 trường trong đó gồm 11 trường trong dự án GIZ TVET và 29 trường ngoài dự án (2 mẫu phiếu khác nhau trong đó 13 câu hỏi đầu trùng nhau, chỉ khác các câu hỏi dành riêng cho 11 trường trong dự án GIZ TVET hỏi các thông tin về việc áp dụng cách tiếp cận của GIZ TVET trong xây dựng CTĐT). Đại diện các trường đề nghị trả lời bằng hỏi là lãnh đạo nhà trường hoặc trưởng, phó phòng đào tạo, khoa chuyên môn hoặc trưởng, phó phòng đảm bảo chất lượng – những chủ thể được cho là có hiểu rõ vấn đề để trả lời các câu hỏi trong bảng hỏi.

**- Giai đoạn 2:**

+ Triển khai cuộc thảo luận nhóm (focus group) bằng hình thức họp zoom với đại diện 5 trường để thu thập thêm thông tin về lĩnh vực nghiên cứu sau khi phân tích sơ bộ kết quả khảo sát bằng bảng hỏi.

+ Tiến hành một số cuộc phỏng vấn cá nhân ngắn qua điện thoại (thường chỉ hỏi 1-2 câu hỏi) để hiểu rõ thêm về câu trả lời đối với câu hỏi mở trong phiếu khảo sát.

(Mẫu phiếu và các câu hỏi gọi cho cuộc thảo luận nhóm nhỏ tại Phụ lục 1, 2 kèm theo)

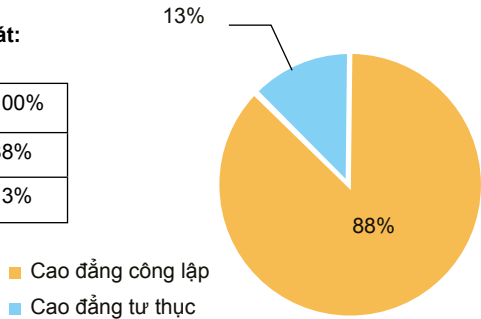
**3.3. Kết quả khảo sát từ bảng hỏi**

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát về xây dựng CTĐT tại các trường cao đẳng, kết quả khảo sát cụ thể như sau:

**(1). Mẫu thực hiện khảo sát:** 40 trường cao đẳng, trong đó 11 trường trong Dự án được GIZ TVET hỗ trợ, 29 trường ngoài Dự án.

**(2) Về loại hình trường tham gia khảo sát:**

Tổng số trường khảo sát	40 trường	100%
Cao đẳng công lập	35 trường	88%
Cao đẳng tư thục	5 trường	13%

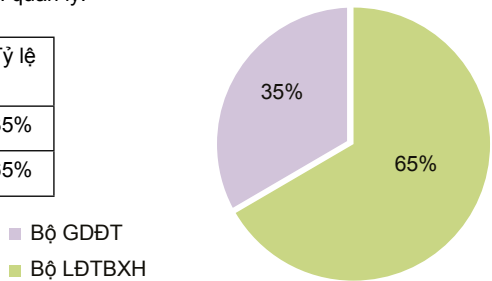


Hình 1 - Loại hình trường cao đẳng khảo sát

**(3) Về Cơ quan quản lý nhà nước của các trường tham gia khảo sát:**

Trong số 40 trường khảo sát, vào thời điểm trước năm 2017 có 14 trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, 26 trường do Bộ LĐTBXH quản lý.

Cơ quan quản lý nhà nước trước năm 2017		Tỷ lệ
Bộ GDĐT	14 trường	35%
Bộ LĐTBXH	26 trường	65%



Hình 2 - Cơ quan quản lý nhà nước của 40 cao đẳng khảo sát trước 2017

**(4) Về phương thức triển khai CTĐT**

4.1. Chỉ đào tạo một phương thức	
1) Niên chế	8
2) Tích lũy mô đun (chưa gán tín chỉ cho các mô đun)	2
3) Tích lũy mô đun – tín chỉ (đã gán tín chỉ cho các mô đun)	11
4) Tích lũy tín chỉ nhưng các học phần/chuyên đề/môn học/môn đun chưa tích hợp các yếu tố lý thuyết, thực hành, thực tập tạo thành khối kiến thức tương đối độc lập, hoàn chỉnh, tạo điều kiện liên thông (sau đây gọi tắt là tích lũy tín chỉ)	5
4.2 Đào tạo theo 2 phương thức (i) niên chế và (ii) tích lũy mô đun (chưa gán tín chỉ)	3
4.3. Đào tạo theo 2 phương thức là (i) niên chế và (ii) mô đun - tín chỉ	8
4.4. Đào tạo theo 2 phương thức là (i) niên chế và (ii) tích lũy tín chỉ	1
4.5. Đào tạo theo 2 phương thức (i) mô đun – tín chỉ và (ii) tích lũy tín chỉ	1
4.6. Đào tạo theo 3 phương thức: (i) niên chế, (ii) Tích lũy mô đun – tín chỉ, (iii) Tích lũy tín chỉ	1

Trong 5 trường tự thực được khảo sát thì 3 trường áp dụng phương pháp (3) tích lũy mô đun – tín chỉ, 01 trường áp dụng phương pháp (4) tích lũy tín chỉ. Chỉ có 01 trường còn áp dụng (1) niên chế.

**(5) Lý do Trường chưa tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc mô đun – tín chỉ:**

Có 19 Trường đưa ra thông tin, cụ thể:

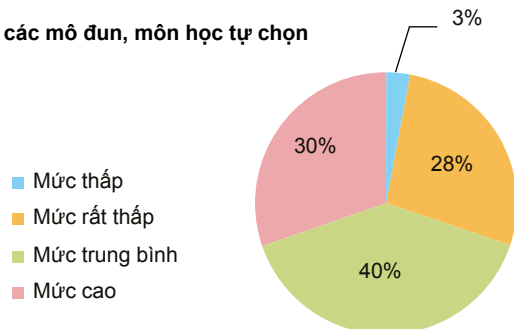
TT	Thông tin Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo về đổi mới phương thức đào tạo còn hạn chế	2	5	9	3	0
2	Khó khăn về tuyển sinh, hạn chế về số lượng sinh viên	1	3	1	8	6
3	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng	2	5	3	9	0
4	Thiếu hỗ trợ, hướng dẫn để thực hiện	0	7	4	6	2
5	Các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun	4	4	4	6	1
6	Giáo viên chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế CTĐT theo mô đun	2	7	3	5	2
7	Chưa cảm thấy cần thiết phải chuyển đổi, áp dụng	2	4	5	7	1
8	Chưa có nguồn ngân sách để triển khai	1	5	4	6	3

**(6) Về lợi ích của CTĐT theo mô đun (gồm đã gán tín chỉ hoặc chưa gán tín chỉ)**

TT	Thông tin Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	ĐỒNG ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Cho phép người học linh hoạt quyết định lộ trình học tập	1	1	1	17	20
2	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển của người học (liên thông ngang, dọc trong cơ sở GDNN, giữa các cơ sở ĐT)	1	0	2	23	14
3	Thuận lợi khi chỉnh sửa, cập nhật CTĐT (để bổ sung, sửa đổi mô đun đơn lẻ, tránh việc phải “dỡ” toàn bộ CTĐT)	1	1	1	25	12
4	Dễ dàng tổ chức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức học tập khác nhau (không chính quy, chính quy, bán thời gian, v.v.)	1	0	7	20	12
5	Đánh giá, phản hồi thường xuyên giúp học tiến bộ	1	0	9	21	9
6	Tạo điều kiện thuận lợi và cải thiện việc công nhận các giai đoạn học tập thành công ở nơi khác	1	0	3	22	14

**(7) Về mức độ người học được chọn các mô đun, môn học tự chọn**

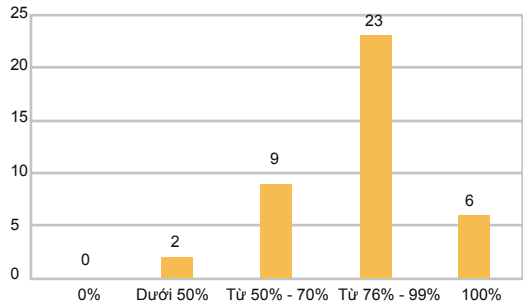
Mức Rất thấp	1	3%
Mức Thấp	11	28%
Mức Trung bình	16	40%
Mức Cao	12	30%



Hình 3 - Mức độ người học được chọn các MĐ, MH tự chọn

**(8) Tỷ lệ % các CTĐT được xây dựng đảm bảo liên thông dọc trong tổng số CTĐT của Trường (trong cùng ngành, nghề đào tạo)**

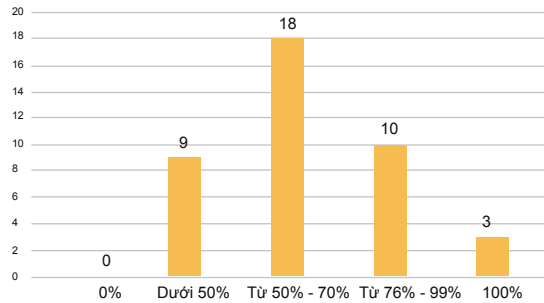
Tỷ lệ CTĐT đảm bảo liên thông dọc	Số trường
0%	0
Dưới 50%	2
Từ 50%– 75%	9
Từ 76% - 99%	23
100%	6



Hình 4 - Tỷ lệ CTĐT đảm bảo liên thông dọc

**(9) Tỷ lệ % các CTĐT đảm bảo liên thông ngang trong tổng số CTĐT của trường**

Tỷ lệ CTĐT đảm bảo liên thông ngang	Số trường
0%	0
Dưới 50%	9
Từ 50%– 75%	18
Từ 76% - 99%	10
100%	3

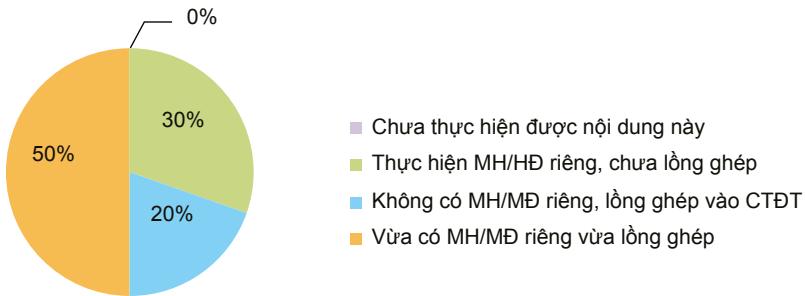


Hình 5 - Tỷ lệ CTĐT đảm bảo liên thông ngang

**(9) Tỷ lệ % các CTĐT đảm bảo liên thông ngang trong tổng số CTĐT của trường**

Kết quả khảo sát nội dung	Trường
Chưa thực hiện nội dung này	0
Thực hiện thành môn học/mô-đun riêng, chưa lồng ghép vào các môn học/mô đun khác	12
Không có môn học/mô-đun riêng mà lồng ghép vào CTĐT	8
Vừa có môn học/mô-đun riêng vừa lồng ghép vào các môn học/mô đun khác	20





Hình 5 - Đào tạo kỹ năng mềm được thiết kế trong CTĐT

### (11) Những thuận lợi gì nhà trường có khi xây dựng, cập nhật CTĐT

35/40 trường được khảo sát đã đưa ra những thuận lợi mà Nhà trường có được khi xây dựng, cập nhật CTĐT, trong đó tập trung vào một số nội dung chính sau:

TT	Những thuận lợi khi xây dựng, cập nhật CTĐT	Ý kiến
1	Nâng cao nhận thức và sự đổi mới của lãnh đạo nhà trường	8/35
2	Chất lượng giáo viên được nâng cao	6/35
3	Tăng cường hợp tác doanh nghiệp, đáp ứng thị trường lao động	12/35
4	Có văn bản hướng dẫn trong thực hiện (thông tư quy định, hướng dẫn về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT từ cơ quan quản lý)	6/35
5	Sự hỗ trợ của đội ngũ chuyên gia trong thực hiện	5/35
6	Sự tham gia tích cực của các bên liên quan	6/35
7	Các nội dung thuận lợi khác (thúc đẩy tuyển sinh, liên thông, tiếp cận thông tin và nhu cầu XH, tiếp cận được CTĐT quốc tế, đổi mới công nghệ, ...)	

### (12) Những khó khăn Nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT

36/40 trường được khảo sát đã phản hồi nội dung, trong đó 33/36 trường đưa ra những khó khăn mà Nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT (03 trường trả lời Không gặp khó khăn), trong đó tập trung vào một số nội dung chính sau:

TT	Những khó khăn khi xây dựng, cập nhật CTĐT	Ý kiến
1	Nguồn lực tài chính, kinh phí thực hiện hạn hẹp	15/33
2	Vấn bản hướng dẫn, tài liệu chưa phù hợp, biểu mẫu	5/33
3	Đội ngũ tham gia, kinh nghiệm trong xây dựng CTĐT	8/33
4	Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện chưa đáp ứng	5/33
5	Sự tham gia của doanh nghiệp (ít doanh nghiệp quy mô lớn, thời gian tham gia hạn chế, chưa hỗ trợ, đóng góp nhiều ý kiến trong xây dựng CTĐT)	7/33
6	Các khó khăn gặp phải khác (việc đảm bảo tuân thủ quy định chuẩn đầu ra với yêu cầu của doanh nghiệp, thiếu tài liệu cập nhật công nghệ mới, ...)	

**(13) Đề xuất của Nhà trường để thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun:**

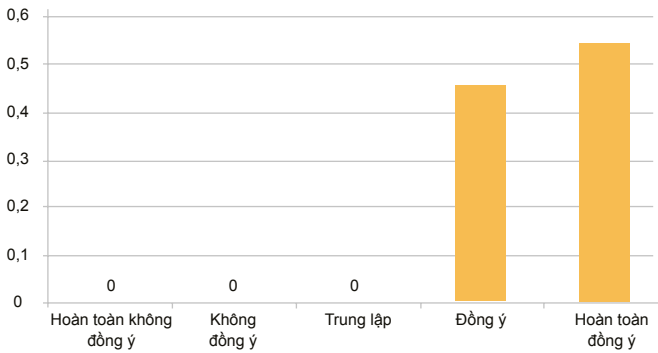
36/40 trường được khảo sát đã phản hồi nội dung, trong đó có 6 trường không có đề xuất. Các đề xuất của 30 trường còn lại nhằm thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun tập trung vào một số nội dung chính như sau:

TT	Những đề xuất để thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun	Ý kiến
1	Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức của đội ngũ nhà giáo, có tài liệu hướng dẫn triển khai thực hiện, có đội ngũ chuyên gia hướng dẫn	11/30
2	Đầu tư cơ sở vật chất thiết bị (cả trường công lập và tư thực), hỗ trợ kinh phí triển khai	9/30
3	Đề xuất liên quan đến CTĐT Cơ quan nhà nước cần có khung CTĐT mô đun chung đảm bảo đủ kiến thức, Giảm bớt các môn học và tăng nhiều mô đun trong CTĐT; Một số chứng chỉ nghề mà doanh nghiệp cần phải có như: Kiểm soát nhiễm khuẩn, An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, ... cũng như các chức danh chuyên môn trong doanh nghiệp phải do các cơ sở GDNN đào tạo và cấp chứng chỉ	4/30
4	Đề xuất liên quan đến tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp, phối hợp với doanh nghiệp	7/30
5	Các đề xuất khác (đưa việc xây dựng CTĐT theo mô đun vào tiêu chí kiểm định; các trường bổ sung kiến thức tự chọn đặc thù, giải quyết vướng mắc về liên thông ...)	

**(14) Đánh giá của Nhà trường về cách tiếp cận của GIZ về xây dựng CTĐT theo mô đun (khảo sát 11 trường trong dự án):**

Tất cả 11 trường được hỏi đều đánh giá cách tiếp cận của GIZ về xây dựng CTĐT theo mô đun là tiên tiến và hiệu quả.

Cách tiếp cận tiên tiến, hiệu quả	Trường	Tỷ lệ
Hoàn toàn không đồng ý	0	0
Không đồng ý	0	0
Trung lập	0	0
Đồng ý	5	45%
Hoàn toàn đồng ý	6	55%



Hình 7 - Đánh giá cách tiếp cận tiên tiến, hiệu quả

**(15) Lý do đánh giá về cách tiếp cận của GIZ TVET về xây dựng CTĐT theo mô đun:**

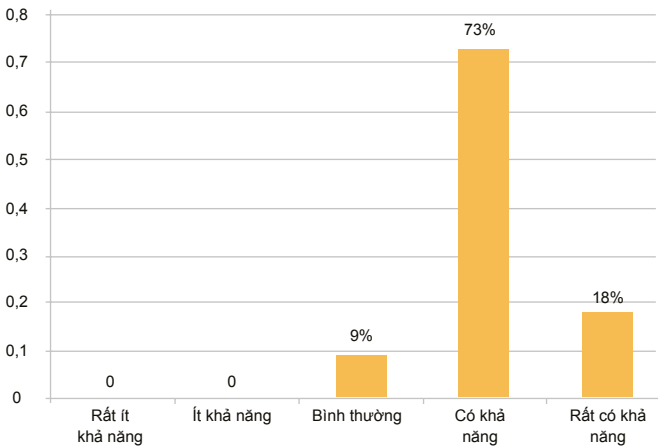
Về lý do đánh giá cách tiếp cận của GIZ TVET về xây dựng CTĐT theo mô đun là tiên tiến và hiệu quả, 11/11 trường được khảo sát đều chia sẻ các lý do cụ thể. Do các ý kiến của từng trường hầu như không có sự tương đồng nên kết quả khảo sát có thể tóm tắt, phân loại theo 03 nhóm lý do cụ thể như sau:

TT	Tóm tắt lý do đánh giá cách tiếp cận hiệu quả
<b>A</b>	<b>Nhóm lý do liên quan trực tiếp đến CTĐT</b>
1	Việc xây dựng CTĐT theo mô đun có nhiều ưu điểm, phù hợp với xu thế đào tạo hiện nay Được tiến hành theo trình tự hợp lý với thời gian tối ưu.
2	Chương trình có tính liên thông tạo điều kiện thuận lợi cho người học phát triển năng lực.
3	Nhà trường có các bộ chương trình được cập nhật chỉnh sửa với nhiều ý kiến của chuyên gia trong nước, quốc tế, không tốn kinh phí, có thể nhân rộng ra các đơn vị khác
4	Giúp cho quá trình tổ chức đào tạo được dễ dàng, đảm bảo liên thông về kiến thức, liên thông ngành nghề (liên thông dọc -ngang) một cách rõ ràng, phân loại chính xác được các trình độ đào tạo
5	Các mô đun được thiết kế với cách tiếp cận phù hợp, đảm bảo người học được đào tạo kỹ năng cần thiết, sát thực tiễn giúp cho người học có cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp.
<b>B</b>	<b>Nhóm lý do liên quan đến người học</b>
1	Tích hợp lý thuyết và thực hành cách tiếp cận mới giúp người học hoàn thành khối lượng học tập sau mỗi mô đun có thể thành thạo một công việc hoặc một nhóm công việc. Ngoài ra kích thích người học tự bồi dưỡng và phát triển bản thân trong mỗi mô đun.
2	CTĐT linh hoạt, , giúp sinh viên cân nhắc trong việc học
3	Phù hợp với xu hướng của người học
<b>C</b>	<b>Nhóm lý do liên quan khác</b>
1	Theo xu hướng của thế giới và áp dụng đào tạo theo mô hình của Đức (Đào tạo kép)
2	Rất tốt và phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam
3	Rất khoa học và đúng nhu cầu thực tế
4	Có hướng tích hợp rất cao.
5	Cách tiếp cận sát với nhu cầu xã hội.

**(16) Đánh giá khả năng nhân rộng việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận của GIZ đối với các CTĐT khác của trường:**

Kết quả khảo sát 11 trường cho thấy có 10/11 trường (chiếm 91%) cho rằng khả năng nhân rộng việc xây dựng CTĐT theo tiếp cận của GIZ là ở mức độ cao (Có/Rất có khả năng), 01/11 trường đánh giá ở mức độ “Bình thường”.

Đánh giá khả năng nhân rộng	Trường	Tỷ lệ
Rất ít khả năng	0	0
Ít khả năng	0	0
Bình thường	1	9%
Có khả năng	8	73%
Rất có khả năng	2	18%



Hình 8 - Đánh giá khả năng nhân rộng

**(17) Lợi ích thu được của Nhà trường khi được hỗ trợ xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận GIZ:**

Qua kết quả khảo sát 11 trường về lợi ích thu được của Nhà trường khi được hỗ trợ xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận GIZ: 01/11 trường trả lời Không có ý kiến về nội dung này do chưa được hỗ trợ; 10/11 trường chia sẻ các lợi ích thu được. Do các ý kiến của từng trường hầu như không có sự tương đồng nên kết quả khảo sát có thể tóm tắt, phân loại theo 02 nhóm lý do cụ thể như sau:

TT	<b>Tóm tắt lợi ích thu được khi được hỗ trợ xây dựng, cập nhật CTĐT</b>
<b>A</b>	<b>Nhóm lợi ích liên quan trực tiếp đến CTĐT</b>
1	CTĐT xây dựng trên cơ sở gắn kết với doanh nghiệp, thúc đẩy đào tạo gắn với với doanh nghiệp, theo đó nâng cao chất lượng chương trình
2	Sản phẩm 100% CTĐT của trường theo tích lũy mô đun tín chỉ, đào tạo linh hoạt tạo điều kiện cho người học hoàn thành tốt chương trình học.
3	Các bước xây dựng CTĐT và các CTĐT được xây dựng rất khoa học
4	Các CTĐT được hoàn thiện, thống nhất đối với nhóm ngành/ngành đào tạo tương đồng, dễ ràng xác định được trình độ đào tạo của người học theo các mức trình độ đào tạo
5	Nhà trường có các bộ chương trình được cập nhật chỉnh sửa với nhiều ý kiến của chuyên gia trong nước, quốc tế, không tốn kinh phí, có thể nhân rộng ra các đơn vị bạn
6	Có được bộ CTĐT tiên tiến
<b>B</b>	<b>Nhóm lợi ích chung</b>
1	Nâng cao hiệu quả công tác quản trị, chất lượng đào tạo, vị thế của Nhà trường.
2	Trường được hỗ trợ tiếp cận với cách xây dựng CTĐT khoa học hơn.
3	Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, giảng viên.
4	Chia sẻ kinh nghiệm với các trường khác, có thể đào tạo sinh viên ở bất kỳ thời gian nào, khi có đủ sinh viên đăng ký là có thể mở khóa đào tạo, tạo điều kiện cho sinh viên trả nợ môn học
5	Tăng cường gắn kết với các doanh nghiệp.
5	Cách tiếp cận sát với nhu cầu xã hội.

**(18) Những khó khăn Nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ:**

Qua kết quả khảo sát 11 trường về những khó khăn Nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ: 02/11 trường trả lời Không gặp khó khăn; 01/11 trường không có ý kiến về mục này do chưa được hỗ trợ; 08/11 trường chia sẻ các khó khăn, cụ thể như sau:

TT	Tóm tắt khó khăn Nhà trường gặp phải khi xây dựng CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ
1	Nguồn lực tài chính, kinh phí hạn hẹp (2 trường);
2	Năng lực của GV và cán bộ quản lý đào tạo về xây dựng CTĐT theo mô đun (2 trường)
3	Phía Doanh nghiệp khó tiếp cận xây dựng chương trình/ Khó khăn trong việc tìm kiếm DN để liên kết ĐT (2 trường)
4	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ theo CTĐT
5	Nhà trường đang đào tạo theo phương thức tín chỉ nên khi tiếp cận phải mất thời gian làm quen
6	Xác định mức độ kiến thức, kỹ năng trong các mô đun
7	Tình hình tuyển sinh chưa khả quan nên khi xây dựng, cập nhật CTĐT cũng như thực hiện gặp nhiều khó khăn.

**(19) Đề xuất của Nhà trường liên quan áp dụng cách tiếp cận của GIZ trong xây dựng CTĐT:**

Qua kết quả khảo sát 11 trường về đề xuất của Nhà trường liên quan đến áp dụng cách tiếp cận của GIZ trong xây dựng CTĐT: 01/11 trường trả lời không có đề xuất; 10/11 trường đề xuất các nội dung, cụ thể như sau:

TT	Tóm tắt Đề xuất của Nhà trường liên quan áp dụng cách tiếp cận của GIZ
<b>A</b>	<b>Đề xuất trực tiếp với GIZ</b>
1	Tổ chức hội thảo chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về việc xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ (2 trường)
2	Nghiên cứu các quy định hiện hành để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.
3	Tập huấn cho các trường trong việc xây dựng và triển khai thực hiện CTĐT theo tích lũy mô đun
4	Khảo sát đánh giá tính hiệu quả của các chương trình do các trường biên soạn. Hỗ trợ việc nhân rộng cách tiếp cận xây dựng CTĐT.
5	Hỗ trợ các trường để xây dựng CTĐT và triển khai đào tạo.
6	Nhân rộng, triển khai đồng bộ để giúp hệ thống đào tạo các ngành/nghề hoàn thiện hơn, tạo điều kiện cho người học dễ dàng liên thông lên các trình độ cao hơn ở các trường khác nhau
7	Khi cập nhật chỉnh sửa CTĐT phía dự án cần hướng đến việc xác nhận, công nhận chương trình tương đương với phía IHK của CHLB Đức
<b>B</b>	<b>Đề xuất với chung</b>
1	Cần có được sự ủng hộ mạnh mẽ trong thực hiện xây dựng CTĐT mô đun
2	Đảm bảo nguồn kinh phí/trang thiết bị hỗ trợ cho XD và Phát triển CTĐT (3 trường)
3	Triển khai nhanh và nhân rộng trong hệ thống, tập huấn nhiều lần cho giáo viên tiếp cận
4	Mời thêm các doanh nghiệp có kinh nghiệm trong việc XD và Phát triển CTĐT
5	Có sự phối hợp giữa các trường có chung các khối ngành nghề đào tạo bắt tay cùng xây dựng các bộ chương trình dùng chung
6	Hỗ trợ về xây dựng tài liệu dạy học, cách tổ chức thi, kiểm tra, ...



### 3.4. Kết quả khảo sát từ thảo luận nhóm (focus group)

Về cơ bản do các câu trả lời ở Bảng hỏi khá rõ ràng nên hầu như thông tin từ cuộc thảo luận nhóm tập trung khai thác chi tiết để hiểu sâu hơn về việc triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun ở các trường tham dự họp. Thành phần mời tham dự có đại diện 6 trường trong đó 2 trường trong 11 trường trong dự án GIZ và 4 trường khác ngoài dự án, số trường tham dự thực tế là 5 trường, một trường thuộc dự án không tham dự được vì có việc bận đột xuất.

Trong các trường tham dự có 1 trường đã đào tạo theo tích lũy tín chỉ từ năm 2009 (tích lũy tín chỉ theo học phần, chưa mô đun độc lập) và hiện đã xây dựng và triển khai CTĐT đào tạo theo mô đun - tín chỉ. Các trường khác thì bắt đầu tích lũy tín chỉ (tích lũy tín chỉ theo học phần, chưa mô đun độc lập) từ 2017 hoặc 2019. Có trường hiện vừa có CTĐT theo niên chế vừa có CTĐT theo tích lũy mô đun.

Đại diện các trường tham dự hội thảo đã khẳng định xây dựng CTĐT và triển khai CTĐT theo tích lũy mô đun ở các khía cạnh sau:

*“Đảm bảo linh hoạt, thuận lợi cho sinh viên vì không phải thi tốt nghiệp”*

*“Đào tạo theo mô đun khoa học, liên thông dễ” và sinh viên có thể dừng học để đi làm thêm và quay về học tiếp”* (ý kiến từ trường mới chuyển sang đào tạo theo mô đun)

*“trong 3 năm tới, trường rất muốn chuyển sang CTĐT theo tích lũy mô đun, để có thể dễ dàng thiết kế, triển khai các lớp ngắn hạn”*

Ý kiến của trường thuộc dự án GIZ TVET đã xây dựng 01 CTĐT theo mô hình GIZ TVET, các CTĐT khác theo tích lũy tín chỉ nhưng theo học phần chưa độc lập như tiếp cận mô đun hóa “Trường đã tiếp cận xây dựng CTĐT theo mô đun của GIZ và thấy rất hay, vì xây dựng CTĐT theo mô đun là theo vị trí việc làm, sát với thực tiễn và nhu cầu doanh nghiệp”; “Dễ liên thông ngang, dọc, còn chỉ tích lũy tín chỉ không thì khó liên thông”

Về khó khăn, vướng mắc liên quan đến xây dựng CTĐT, nhiều ý kiến trùng nhau trong đó ý kiến đại diện gồm:

*“Khó khăn chọn tín chỉ khó do số lượng sinh viên ít”*

*“Sinh viên chưa biết chọn nên cần nhà trường định hướng, cần cố vấn học tập tuy nhiên hiện nay nhiệm vụ này giao giáo viên chủ nhiệm nên không được như định hướng ban đầu”*

Ý kiến của một trường *“trong CTĐT các môn tiên quyết nhiều (hình thành kỹ năng ban đầu, nâng cao, kỹ năng chuyên sâu), khó cho sinh viên đăng ký tín chỉ, ban đầu trường cho sinh viên tự do lựa chọn môn học do đó có lớp đông sinh viên và có lớp ít sinh viên, thêm vào đó sinh viên chưa biết môn nào là tiên quyết và cứ đăng ký và học”* đồng thời chia sẻ kinh nghiệm *“Sau 1 năm thực hiện, rút kinh nghiệm từ năm đầu tiên triển khai, nhà trường vẫn giữ nguyên CTĐT theo tích lũy mô đun nhưng đào tạo theo phương thức đào tạo niên chế, trường thăm dò và định hướng các em học CTĐT trong 6 kỳ và ghép các mô đun vào, rút kinh nghiệm năm đầu, trong quá trình dạy có cảnh báo và bắt buộc sinh viên phải hoàn thiện dứt điểm các mô đun của HK trong học kỳ đó và học kỳ phụ, muốn sang học kỳ mới phải hoàn thiện dứt điểm học kỳ cũ”*

*“Thông tư 04 mới ban hành về tổ chức đào tạo có điểm chưa phù hợp về đánh giá, xét tốt nghiệp đối với phương thức đào tạo theo tích lũy tín chỉ, cụ thể: quy định đạt điểm D là đạt điểm môn đôn, môn học và có trường hợp là các em đạt điểm D ở toàn bộ các mô đôn môn học nhưng khi tổng hợp lại theo quy chế là không đạt tốt nghiệp” (3 trường nhấn mạnh khó khăn này).*

*“Định hướng chuyển đổi CTĐT theo mô đôn là nhà trường đang quan tâm, nhà trường cũng chưa có kinh nghiệm, cần có hướng dẫn cụ thể để triển khai”*

**Về các khuyến nghị:**

*“Cần tiếp cận mô hình xây dựng CTĐT theo mô đôn nào mà thích hợp với điều kiện thực tế của VN để áp dụng cho các trường”*

*“Cần có quy chuẩn, hướng dẫn cho các trường để áp dụng”*

*“Cần có hướng dẫn tháo gỡ công tác liên thông từ trung cấp – cao đẳng – đại học”*

*“Đề nghị có CTĐT có thể là khung chung, mỗi trường tự làm sẽ không hiệu quả”*



### 3.5. Tóm tắt kết quả khảo sát theo câu hỏi nghiên cứu

**Đối với câu hỏi 1: Thực trạng triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun ở các cao đẳng được khảo sát như thế nào?**

- Về phương thức triển khai đào tạo:

Kết quả khảo sát cho thấy hiện có 19/40 trường đang triển khai đào tạo theo niên chế trong đó 8 trường đào tạo theo niên chế đối với toàn bộ các CTĐT của trường và 11 trường khác đào tạo niên chế với một số CTĐT. Đáng chú ý là trong 05 trường tự thực thì chỉ 01 trường đào tạo có đào tạo theo niên chế, 04 trường còn lại đào tạo theo theo mô đun hoặc mô đun – tín chỉ hoặc tích lũy tín chỉ.

Trong 11 trường trong dự án GIZ TVET (toàn bộ là công lập), có 03 trường vẫn đào tạo theo niên chế đối với toàn bộ các CTĐT và 4 trường khác có một số CTĐT theo niên chế.

Kết quả thảo luận nhóm nhỏ và phỏng vấn cá nhân cho thấy lý do vẫn còn trường trong dự án GIZ TVET hỗ trợ đang triển khai đào tạo theo niên chế đối với 100% CTĐT dù đã được hỗ trợ xây dựng CTĐT theo mô đun ít nhất 1 CTĐT là nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong quản lý, đào tạo trong nhà trường.

- Về mức độ người học được chọn các mô đun, môn học tự chọn:

40% các trường tham gia khảo sát lựa chọn mức độ “trung bình”, 30% chọn ở mức “cao”, 28% chọn ở mức “thấp”, chỉ 3% (1 trường) chọn ở mức “rất thấp”.

- Về tỷ lệ % các CTĐT được xây dựng đảm bảo liên thông dọc trong tổng số CTĐT của Trường (trong cùng ngành, nghề đào tạo): phần lớn các trường (32/40 trường) chọn ở mức 50%-99% trong đó 23/40 trường chọn ở mức 76-99%, chỉ có 2 trường chọn mức dưới 50%.

- Về tỷ lệ % các CTĐT được xây dựng đảm bảo liên thông ngang trong tổng số CTĐT của Trường (trong cùng ngành, nghề đào tạo): 28/40 trường chọn ở mức 50-99%, 9 trường chọn ở mức dưới 50%.

- Về đào tạo kỹ năng mềm trong CTĐT: Kết quả khảo sát cho thấy 20/40 trường (50%) số trường khảo sát vừa có mô học/mô đun riêng về đào tạo kỹ năng mềm vừa lồng ghép đào tạo kỹ năng mềm vào các môn học, môn đun khác, 12/40 (30%) trường đào tạo ở môn học, mô đun riêng, không lồng ghép đào tạo trong môn học, môn đun khác và 8/40 trường còn lại đào tạo lồng ghép trong các môn học, mô đun, không xây dựng môn học/mô đun riêng. Đại diện một số trường được phỏng vấn cho rằng nên đào tạo lồng ghép thay vì chỉ triển khai môn học, mô đun riêng về kỹ năng mềm do đào tạo kỹ năng mềm nên chú trọng đào tạo trong cả quá trình học tập của người học.

**Đối với câu hỏi 2: Các trường đánh giá như thế nào về lợi ích, hiệu quả của CTĐT theo mô đun nói chung và theo tiếp cận của GIZ Đức nói riêng?**

Hầu hết các trường cao đẳng (37/40 trường) tham gia khảo sát đều đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với các lợi ích của xây dựng CTĐT theo mô đun về các nội dung như: cho phép người học linh hoạt quyết định lộ trình học tập; tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển của người học (liên thông ngang, dọc trong cơ sở GDNN, giữa các cơ sở ĐT); thuận lợi khi chỉnh sửa, cập nhật CTĐT (dễ bổ sung, sửa đổi mô đun đơn lẻ, tránh việc phải “dỡ” toàn bộ CTĐT); tạo điều kiện thuận lợi và cải thiện việc công nhận các giai đoạn học tập thành công ở nơi khác.

Đối với lợi ích về “Dễ dàng tổ chức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức học tập khác nhau (không chính quy, chính quy, bán thời gian, v.v.)” và “Đánh giá, phản hồi thường xuyên giúp học tiến bộ”, tỷ lệ đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý lần lượt là 32/40 và 30/40.

Tại buổi thảo luận nhóm, các ý kiến cũng xác nhận lại các lợi ích của xây dựng CTĐT theo mô đun, trong đó ý kiến đáng chú ý là đề cập đến lợi ích khi tận dụng mô đun nhỏ độc lập để sử dụng cho lớp đào tạo ngắn hạn. Có ý kiến cũng so sánh lợi thế của CTĐT theo mô đun hơn là tín chỉ (các mô đun môn học chưa độc lập) là CTĐT theo mô đun đảm bảo liên thông dễ hơn.

Đánh giá về cách tiếp cận của GIZ về xây dựng CTĐT theo mô đun, 11/11 trường (100%) đều đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với nhận định cách tiếp cận này tiên tiến, hiệu quả. Các trường đưa ra rất nhiều lý do cho nhận định của trường trong đó nhiều ý kiến nhấn mạnh “rất khoa học”, “đúng nhu cầu thực tế”, “rất tốt” “tích hợp rất cao”, “nhiều ưu điểm” “là xu thế của đào tạo...”. Các lý do cụ thể cho nhận định của các trường được tổng hợp như sau:

- Giúp cho tổ chức đào tạo được dễ dàng, đảm bảo liên thông dọc, ngang một cách rõ ràng, thuận lợi cho người học
- Trình tự đào tạo các mô đun, môn học hợp lý, tối ưu về thời gian
- Dễ cập nhật, bổ sung CTĐT vì có thể đào tạo mô đun bổ sung (không cần dỡ toàn bộ CTĐT)
- Phân loại chính xác trình độ đào tạo
- Các mô đun được thiết kế tích hợp cao, giúp người học sau mỗi mô đun có thể thành thạo một công việc hoặc nhóm công việc
- Đảm bảo đào tạo được kỹ năng cần thiết, sát thực tiễn để cho người học có cơ hội việc làm tốt hơn sau khi tốt nghiệp
- Đảm bảo CTĐT linh hoạt, sinh viên cần nhắc lựa chọn lộ trình học tập

11 trường khi được hỏi về lợi ích thu được khi được dự án GIZ TVET hỗ trợ xây dựng, cập nhật CTĐT theo mô đun, nhiều trường khẳng định nhà trường có bộ chương trình được chỉnh sửa cập nhật một cách khoa học, với sự tham gia đóng góp ý kiến của chuyên gia trong nước quốc tế, có thể nhân rộng ra các CTĐT khác hoặc nhân rộng ra trường bạn. Một số trường nhấn mạnh việc được dự án hỗ trợ còn giúp nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên, tăng cường gắn kết doanh nghiệp, và nâng cao hiệu quả công tác quản trị của nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của trường.

Nhận định rất tích cực về cách tiếp cận GIZ TVET đã giải thích cho kết quả khảo sát về đánh giá khả năng nhân rộng việc xây dựng CTĐT theo mô đun theo tiếp cận của GIZ đối với các CTĐT khác của Trường. 10/11 trường đánh giá khả năng nhân rộng là “có khả năng” hoặc “rất có khả năng”, chỉ có 1 trường đánh giá “bình thường”.

**Đối với câu hỏi 3: Những khó khăn, rào cản trong việc triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun**

Trong 19 ý kiến trả lời về lý do các trường chưa chuyển sang đào tạo theo tích lũy mô đun hoặc mô đun – tín chỉ trong Bảng hỏi: các lý do chủ yếu đưa ra là về (1) nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo về đổi mới phương thức đào tạo (14/19 ý kiến đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý); (2) cơ sở vật chất chưa đáp ứng (9/19 ý kiến đồng ý); (3) chưa có nguồn ngân sách để triển khai (9/19 đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý); (4) thiếu hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện (8/19 ý kiến đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý) (5) Chưa cảm thấy cần thiết phải chuyển đổi, áp dụng (8/19); Các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun (7/19); Giáo viên chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế CTĐT theo mô đun (7/19).

Đối với câu hỏi mở trong bảng hỏi về khó khăn Nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT, trong 33 trường trả lời về khó khăn, có 15 ý kiến đề cập đến nguồn lực tài chính hạn hẹp, 8 ý kiến nêu khó khăn về hạn chế kinh nghiệm, 7 ý kiến đề cập đến sự tham gia doanh nghiệp (bao gồm ít DN quy mô lớn, DN tham gia hạn chế, chưa hỗ trợ đóng góp để xây dựng CTĐT), 5 ý kiến đề cập về văn bản hướng dẫn chưa phù hợp, 5 ý kiến đề cập cơ sở vật chất, thiết bị chưa đáp ứng...

Cuộc thảo luận nhóm cung cấp thông tin khó khăn trong việc triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun như số lượng sinh viên ít nên khó lựa chọn mô đun, sinh viên cũng chưa hiểu cách chọn cần sự hướng dẫn, nhà trường thiếu kinh nghiệm trong triển khai. Đáng chú ý, cuộc trao đổi cho thấy, một số trường dù đã xây dựng CTĐT theo mô đun nhưng vẫn đào tạo theo niên chế do số lượng người học ít và chưa hiểu cách chọn mô đun. Ngoài ra các trường tham gia thảo luận cũng nêu vướng mắc liên quan đến Thông tư 04/2022/TT-BL-ĐT BXH vừa ban hành liên quan đến đánh giá, công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo theo môn đơn tín chỉ (có trường hợp đạt tất cả các mô đun, môn học nhưng vẫn không được công nhận tốt nghiệp do chưa đáp ứng điều kiện điểm trung bình tích lũy từ 2 điểm trở lên). Kết quả phỏng vấn một số trường còn nêu điểm không phù hợp nữa về Thông tư 04 là Thông tư không quy định cụ thể điểm thi thế nào là đạt/chưa đạt để triển khai thống nhất giữa các cơ sở.

**Đối với câu hỏi 4: Các trường có đề xuất gì để thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun?**

Các trường đưa ra rất nhiều đề xuất trùng nhau đặc biệt về vấn đề đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, về hỗ trợ kinh phí, hướng dẫn, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, nhà giáo của cơ sở GDNN về xây dựng CTĐT theo mô đun, về cơ chế chính sách gắn kết DN. Tổng hợp các đề xuất như sau:

**Các đề xuất chung bao gồm:**

- Hướng dẫn chi tiết theo quy chuẩn và hỗ trợ thực hiện việc xây dựng CTĐT theo mô đun, hướng dẫn bằng tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn xây dựng CTĐT theo mô đun

- Đầu tư thêm về cơ sở vật chất và trang thiết bị để đáp ứng danh mục Trang thiết bị tối thiểu theo thông tư quy định. Đối với nghề trọng điểm cần đầu tư các trang thiết bị hiện đại nằm ngoài danh mục các trang thiết bị theo thông tư thì mới đáp ứng được nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp hiện nay
- Hỗ trợ kinh phí cho Nhà trường thực hiện việc xây dựng CTĐT theo mô đun.
- Cần tháo gỡ về công tác liên thông, mở rộng cửa cho người học có cơ hội liên thông dọc (từ cấp bậc học thấp lên cao) để đảm bảo người học thực hiện học tập suốt đời
- Các cơ sở GDNN cùng triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun một cách đồng bộ để tạo điều kiện cho người học liên thông
- Rà soát, chỉnh sửa lại quy định về đánh giá, công nhận kết quả học tập đối với phương thức đào tạo theo mô đun – tín chỉ theo Thông tư 04/2022/TT-BL ĐTBXH vừa mới ban hành.

#### **Đề xuất trực tiếp liên quan đến CTĐT:**

- Bộ cần có khung CTĐT chung cho các nghề, các trường dựa vào khung chung để xây dựng chương trình phù hợp, điều này đảm bảo các trường thực hiện đào tạo đủ kiến thức yêu cầu đồng thời có kiến thức tự chọn đặc thù của địa phương
- Cơ quan quản lý có khảo sát thực tế về các nhóm kỹ năng nên ghép để tạo thành module và ban hành hướng dẫn cụ thể đối với từng ngành nghề
- Giảm bớt các môn học và tăng nhiều mô đun trong CTĐT.
- Một số chứng chỉ nghề mà doanh nghiệp cần phải có như: Kiểm soát nhiễm khuẩn, An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, ... cũng như các chức danh chuyên môn trong doanh nghiệp phải do các cơ sở GDNN đào tạo và cấp chứng chỉ

#### **Các đề xuất liên quan đến doanh nghiệp:**

- Cần có cơ chế, chính sách thu hút DN tham gia và ràng buộc về tính pháp lý trong hợp tác giữa Doanh nghiệp và Nhà trường
- Pháp luật định rõ về chuyển đổi tín chỉ gồm cả các module khóa học ngắn hạn của các trường CĐ, TC
- Phối hợp với doanh nghiệp để cập nhật đúng và đủ nội dung chương trình mới cần đưa vào đào tạo
- Tăng cường công tác đào tạo tại doanh nghiệp và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.
- Cần được học hỏi nhiều hơn kinh nghiệm từ các nước tiên tiến và thực tế tại các doanh nghiệp

**Đề xuất của 11 trường trong dự án liên quan đến áp dụng cách tiếp cận của GIZ.** Tóm tắt các đề xuất như sau:

#### **Đề xuất trực tiếp với GIZ**

- Tổ chức hội thảo chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về việc xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ (2 trường); tập huấn cho các trường trong việc xây dựng và triển khai thực hiện CTĐT theo tích lũy mô đun
- Hỗ trợ việc nhân rộng cách tiếp cận xây dựng và triển khai CTĐT.
- Nghiên cứu các quy định hiện hành để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.
- Khi cập nhật chỉnh sửa CTĐT phía dự án cần hướng đến việc xác nhận, công nhận chương trình tương đương với phía IHK của CHLB Đức

#### **Đề xuất với Tổng cục GDNN**

- Nhân rộng trong hệ thống
- Hỗ trợ các trường triển khai, tăng cường tập huấn
- Hỗ trợ về xây dựng tài liệu dạy học, cách tổ chức thi, kiểm tra...

#### **Đề xuất khác:**

- Đảm bảo nguồn kinh phí/trang thiết bị hỗ trợ cho phát triển CTĐT (3 trường)
- Mời thêm các doanh nghiệp có kinh nghiệm trong phát triển CTĐT.
- Có sự phối hợp giữa các trường có chung các khối ngành nghề đào tạo bắt tay cùng xây dựng các bộ chương trình dùng chung.



### 3.6. Phân tích

(1) Kết quả nghiên cứu, khảo sát cho thấy hầu như toàn bộ trường cao đẳng tham gia khảo sát đều khẳng định những lợi ích của xây dựng CTĐT theo mô đun và cho rằng đây là xu hướng để phát triển CTĐT trong GDNN. Ý kiến này cũng được các trường hiện đang đào tạo theo niên chế đối với 100% CTĐT hoặc với một số CTĐT của trường khẳng định. Về lợi ích của xây dựng CTĐT theo mô đun, rất nhiều ý kiến trùng với các nội dung được tổng hợp trong các nghiên cứu quốc tế. Điểm đáng chú ý là một số trường trong nghiên cứu đã đưa ra các lợi ích mà các nghiên cứu trước đó chưa nhấn mạnh như các mô đun độc lập có thể sử dụng cho các khóa đào tạo ngắn hạn, cách tiếp cận này tạo thuận lợi khi bổ sung, cập nhật các nội dung đào tạo và giúp phân loại chính xác trình độ đào tạo.

(2) Kết quả khảo sát cũng cho thấy dự án GIZ TVET đã thí điểm thành công cách tiếp cận về xây dựng CTĐT theo mô đun tại các trường trong dự án. Các trường đánh giá cao cách tiếp cận của GIZ và đều mong muốn được nhân rộng mô hình này cho các CTĐT của trường. Như vậy các mục tiêu đặt ra đều đã đạt được trong thí điểm. Thực tế, cách tiếp cận của GIZ TVET trong thiết kế CTĐT theo mô đun có nhiều điểm tương đồng với cách tiếp cận của các quốc gia có hệ thống GDNN phát triển hàng đầu hiện nay như Úc, Anh, Mỹ trong đó đặc biệt là giống cách tiếp cận của Pearson Anh khi trình độ cao hơn bao gồm toàn bộ các mô đun của trình độ thấp hơn và bổ sung thêm các mô đun chuyên sâu ở trình độ cao hơn. Cách tiếp cận của GIZ tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc xây dựng các CTĐT, lộ trình học tập linh hoạt và đa dạng hơn. Một số trường không chỉ nhấn mạnh lợi ích trực tiếp không chỉ đối với CTĐT được hỗ trợ mà còn khẳng định lợi ích bao gồm đội ngũ cán bộ, nhà giáo được nâng cao năng lực, thay đổi tư duy, giúp tăng cường gắn kết doanh nghiệp, và nâng cao hiệu quả công tác quản trị của nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của trường.

(3) Mặc dù các trường đều nhận thức được tính ưu việt của xây dựng CTĐT theo mô đun, nhưng kết quả khảo sát cho thấy gần 50% các trường tham gia khảo sát (19/40) vẫn đang triển khai đào tạo theo niên chế đối với toàn bộ CTĐT của trường hoặc với một số CTĐT. Bên cạnh đó, 05/40 trường khác đào tạo theo tích lũy tín chỉ đối với toàn bộ CTĐT nhưng mô đun, môn học chưa tích hợp cao, chưa tạo thành khối kiến thức, kỹ năng độc lập, tạo điều kiện liên thông dễ dàng. Nhiều trường bao gồm các đào tạo theo mô đun hoặc mô đun – tín chỉ nhưng mới chú trọng liên thông dọc, chưa chú ý liên thông ngang. Như vậy so với các quốc gia như Úc, Anh, Mỹ - các cơ sở GDNN đã triển khai đồng bộ đào tạo theo mô đun - thì GDNN Việt Nam vẫn còn rất nhiều việc phải làm để đẩy nhanh mô đun hóa CTĐT nhằm đảm bảo GDNN mở, linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

(4) Liên quan đến vấn đề chuẩn đầu ra và khung CTĐT, kết quả nghiên cứu mô hình về xây dựng CTĐT của Úc, Anh, Nhật Bản, Đan Mạch, CHLB Đức cho thấy cơ quan nhà nước hoặc tổ chức cấp phát bằng (đối với hệ thống Anh) vừa quy định khung CTĐT cho các cơ sở GDNN (gồm tổng số bao nhiêu các mô đun/đơn vị, và quy định cụ thể các mô đun, đơn vị cốt lõi và các mô đun, đơn vị tự chọn) vừa xác định chuẩn đầu ra cho từng mô đun/đơn vị năng lực để làm căn cứ xây dựng chương trình chi tiết. Trước khi Luật GDNN 2014 có hiệu lực, Bộ LĐTBXH quy định khung CTĐT tuy nhiên lại quy định chi tiết đến nội dung đào tạo, thời gian giảng dạy (đến từng giờ giảng) do vậy



mang tính cứng nhắc, không theo xu hướng đào tạo dựa trên năng lực thực hiện hay chuẩn đầu ra. Luật GDNN 2014 và các Thông tư hướng dẫn lại chỉ quy định chuẩn đầu ra mà không quy định khung chương trình đào tạo. Điều này dẫn đến các CTĐT của các trường cùng ngành, nghề có thể hoàn toàn khác nhau, không đồng bộ về CTĐT và chất lượng đào tạo, dẫn đến việc liên thông, công nhận kết quả học tập trước đó giữa các trường rất khó khăn. Thực tế có trường hợp một học sinh đã tốt nghiệp trung cấp nghề của trường A phải học bổ sung rất nhiều mô đun ở trình độ trung cấp ở trường B cùng ngành, nghề đào tạo khi muốn học liên thông cao đẳng cùng ngành, nghề ở trường B.

Các ý kiến đề xuất từ một số trường tham gia khảo sát về việc nên có khung CTĐT chung rất đáng để các nhà hoạch định chính sách suy ngẫm, cụ thể: “đề nghị có chương trình có thể là khung chung, mỗi trường tự làm sẽ không hiệu quả”; “Có sự phối hợp giữa các trường có chung các khối ngành nghề đào tạo bắt tay cùng xây dựng các bộ chương trình dùng chung”; “Bộ cần có khung CTĐT chung cho các nghề, các trường dựa vào khung chung để xây dựng chương trình phù hợp, điều này đảm bảo các trường thực hiện đào tạo đủ kiến thức yêu cầu đồng thời có kiến thức tự chọn đặc thù của địa phương” “Cơ quan quản lý có khảo sát thực tế về các nhóm kỹ năng nên ghép để tạo thành module và ban hành hướng dẫn cụ thể đối với từng ngành nghề”. Lý do là khung CTĐT chung theo tiếp cận mô đun và quy định chuẩn đầu ra ở mỗi mô đun/năng lực sẽ giải quyết được sự cứng nhắc của khung CTĐT trước kia theo Luật Dạy nghề. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo chất lượng CTĐT trên toàn quốc vừa đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực do thay vì từng trường phải xây dựng CTĐT cho từng ngành, nghề thì họ chỉ cần đầu tư vào CTĐT chi tiết căn cứ vào CTĐT khung và chuẩn đầu ra tối thiểu; vẫn có thể bổ sung những năng lực cần thiết phù hợp yêu cầu của doanh nghiệp ở địa phương (do nhà nước chỉ quy định chuẩn tối thiểu).

Một điểm đáng lưu ý nữa là nếu từng trường mô đun hóa CTĐT của họ thì sẽ đảm bảo liên thông ngang và dọc chủ yếu trong trường đó. Để tạo điều kiện tối đa cho người học thì cần sự đồng bộ triển khai môn đun hóa CTĐT ở cả hệ thống như ý kiến thu được từ khảo sát là đề nghị sự đồng bộ này không chỉ ở trong trường mà còn ở cả hệ thống.

Rất đáng mừng là Dự thảo Thông tư mới về chuẩn đầu ra đã quy định cụ thể các năng lực của trình độ CĐ và TC như vậy có thể hiểu là quy định khung CTĐT chung cho các cơ sở GDNN. Tuy nhiên việc xây dựng chuẩn đầu ra theo từng ngành, nghề độc lập (từng BCN độc lập làm và thẩm định, phê duyệt theo từng ngành, nghề, không làm theo gó như kinh nghiệm của Úc và Anh) thì sẽ không đảm bảo liên thông ngang giữa các ngành, nghề trong cùng lĩnh vực, không khai thác tối đa được các mô đun chung. Bên cạnh đó, việc chỉ quy định đơn vị năng lực bắt buộc, không xây dựng các đơn vị năng lực tự chọn cũng chưa giải quyết triệt để bài toán tối ưu nguồn lực và sẽ hạn chế cơ hội lựa chọn của người học trong học tập.

(5) Liên quan đến đề xuất của các trường về có khung chung hoặc các trường bắt tay xây dựng CTĐT dùng chung, rõ ràng đề xuất này có thể hiểu được vì không phải trường nào cũng có năng lực và nhu cầu tự xây dựng toàn bộ CTĐT cho mình nhất là đối với ngành, nghề mới mà có thể chỉ muốn triển khai đào tạo dựa trên khai thác CTĐT có sẵn và chấp nhận trả phí cho việc khai thác này. Nhiều trường có quan điểm việc xây dựng CTĐT đòi hỏi phải có chuyên môn và cần chuyên nghiệp hóa, việc tự xây dựng CTĐT sẽ không đảm bảo chất lượng và hiệu quả về nguồn lực.

Thực tế, trong hệ thống Anh, các cơ sở đào tạo sẽ “mua” chương trình từ các cơ quan cấp phát bằng, hay ở Úc nếu không muốn sử dụng CTĐT trong gói đào tạo của Nhà nước quy định, họ có thể trả tiền cho tổ chức cá nhân nắm bản quyền CTĐT đã được cơ quan quản lý nhà nước kiểm định (accredited course). Do vậy, Việt Nam cần nghiên cứu, ban hành cơ chế về công nhận CTĐT do tổ chức, cá nhân xây dựng nếu đủ tiêu chí, yêu cầu quy định để GDNN đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

(6) Về vấn đề đào tạo kỹ năng mềm, kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn nhiều trường đào tạo theo môn học, mô đun riêng chưa lồng ghép vào mô đun, môn học khác và 50% số trường tham gia khảo sát vừa có môn học, mô đun riêng vừa lồng ghép vào mô đun, môn học khác. Trong mô hình xây dựng CTĐT của Úc và Anh, các kỹ năng mềm được đào tạo lồng ghép vào các mô đun, đơn vị năng lực khác và được xác định rất rõ ràng, cụ thể trong từng mô đun, môn học. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo về mặt khoa học vừa đảm bảo giảm số lượng môn học, môn đơn trong khi một số ý kiến từ khảo sát cho rằng cần giảm số môn học chung. Rõ ràng, việc dạy kỹ năng mềm là một quá trình, việc tách riêng đào tạo thành mô học riêng sẽ không hiệu quả nhất là trước thực tế hiện nay sinh viên GDNN chưa được doanh nghiệp đánh giá cao về kỹ năng mềm.

(7) Về những khó khăn khi triển khai xây dựng CTĐT theo mô đun, những khó khăn được đề cập nhiều bao gồm số lượng tuyển sinh ít, thiếu nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị không đảm bảo, thiếu hướng dẫn, hỗ trợ triển khai và các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun, việc gắn kết doanh nghiệp tham gia còn hạn chế.

Đáng lưu ý là khác với lĩnh vực khác, khó khăn hay nhắc tới đầu tiên là vấn đề nhận thức của cán bộ quản lý và nhà giáo cơ sở GDNN nhưng điều này không đúng với kết quả khảo sát về xây dựng CTĐT theo mô đun do như đã trình bày ở trên các trường đều nhận thức rất cao về việc tính ưu việt của cách tiếp cận này.

Về khó khăn về kinh phí, rõ ràng từng trường phải xây dựng CTĐT cho từng, ngành, nghề sẽ tốn kém, việc các trường cùng ngành, nghề tự hợp tác xây dựng chung CTĐT cũng khá khó thực hiện. Ngay cả các trường đã được GIZ hỗ trợ xây dựng CTĐT theo mô đun với một số CTĐT và khi muốn nhân rộng ra các CTĐT khác cũng khó khăn nếu không có sự hỗ trợ cả về tài chính và kỹ thuật. Có lẽ chính vì lý do này mà các quốc gia như Úc, Anh và Đan Mạch, CHLB Đức, Nhật đều xây dựng khung CTĐT cho các cơ sở GDNN.

Ngoài khó khăn về kinh phí, các trường còn cần sự hỗ trợ kỹ thuật, cần được hướng dẫn thực hiện. Nhiều trường đề xuất cần được tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm và cần có tài liệu hướng dẫn cụ thể. Việc thiếu hướng dẫn cho các trường thực sự là điểm nghẽn hiện nay, không chỉ để chuyển sang xây dựng CTĐT theo mô đun mà ngay cả việc áp dụng chuẩn đầu ra trong đào tạo nói chung, nhất là khi sử dụng chuẩn đầu ra để xây dựng CTĐT mới khi không có chương trình thống nhất toàn quốc. Thực tế, hiện nay việc thiếu hướng dẫn hỗ trợ các trường không chỉ là vấn đề kinh phí NSNN mà còn thiếu đội ngũ chuyên gia nòng cốt về vấn đề này.

(8) Về vấn đề đánh giá, công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo tích lũy mô đun, tín chỉ

Về vướng mắc liên quan đến Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022, kết quả khảo sát cho thấy, việc Thông tư không quy định rõ điểm thi kết thúc môn học, mô đun đạt là như thế nào

làm các trường lúng túng trong triển khai thực hiện. Cơ quan quản lý nhà nước cần có bổ sung, hướng dẫn cụ thể về vấn đề này. Còn vấn đề việc sinh viên có thể được đánh giá đạt ở từng mô đun, môn học nhưng có thể không được công nhận tốt nghiệp do còn phải đáp ứng quy định “điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên”, vấn đề này sẽ gây khó khăn cho người học nếu người học không có đủ thông tin về quy định này. Để giải quyết vấn đề này, các cơ sở GDNN cần cung cấp đầy đủ thông tin cho người học nắm rõ về yêu cầu công nhận tốt nghiệp đồng thời cần có cảnh báo trước để người học chủ động và kiểm soát được kết quả học tập sao cho được công nhận tốt nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước cũng cần nghiên cứu, tham khảo cách tính điểm và công nhận kết quả học tập các nước để đảm bảo khoa học và hội nhập. Tham chiếu với việc công nhận tốt nghiệp trong hệ thống Anh, Úc, việc tích lũy đủ mô đun và được đánh giá đạt từng mô đun là đã đảm bảo tốt nghiệp, thậm chí theo hệ thống của Pearson Anh, chỉ cần tích lũy đủ số tín chỉ, và chỉ cần đạt đối với 80% số tín chỉ đã được công nhận tốt nghiệp.





## KHUYẾN NGHỊ

## 1. CẤP CHÍNH SÁCH

- Nghiên cứu, tham khảo các mô hình xây dựng CTĐT theo mô đun của các quốc gia như Úc, Anh, Mỹ và cách tiếp cận của GIZ -TVET trong triển khai thí điểm tại các trường cao đẳng trong dự án để có các giải pháp đồng bộ nhằm nhân rộng mô đun hóa CTĐT.
- Sớm ban hành chương trình khung được xây dựng theo cách tiếp cận mô đun và nghiên cứu việc xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình khung các ngành, nghề theo gói (tương tự cách làm của Úc và Anh), không làm độc lập theo ngành, nghề như hiện nay nhằm khai thác các mô đun, năng lực dùng chung giữa các ngành, nghề trong cùng lĩnh vực, tạo điều kiện liên thông ngang, dọc trong GDNN. Khi tiếp cận theo hướng này, thực hiện số hóa các năng lực, mô đun chia sẻ trên website của cơ quan quản lý thành cơ sở dữ liệu để dễ truy cập, sử dụng cho các cơ sở GDNN.
- Chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ chuyên gia về xây dựng CTĐT theo mô đun để huy động hỗ trợ cho các cơ sở GDNN. Cần khai thác huy động đội ngũ đã có kinh nghiệm thực tế tham gia Dự án GIZ TVET
- Cung cấp, chia sẻ thông tin, kiến thức về xây dựng CTĐT theo mô đun của các nước đặc biệt là cách tiếp cận của GIZ -TVET đã triển khai thí điểm thành công ở Việt Nam để thúc đẩy nhân rộng mô đun hóa CTĐT.
- Hướng dẫn cụ thể bằng tài liệu, văn bản và tổ chức tập huấn cho các cơ sở GDNN về xây dựng CTĐT áp dụng chuẩn đầu ra và tiếp cận mô đun.
- Tăng cường năng lực cho đội ngũ nhà giáo không chỉ về phát triển CTĐT mà còn trong việc triển khai thực hiện CTĐT đặc biệt là phương pháp giảng dạy, tích hợp dạy kỹ năng mềm, kỹ năng số trong quá trình đào tạo
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thiết bị cho các cơ sở GDNN đảm bảo dạy được các mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành
- Chú trọng hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật cho các trường triển khai mô đun hóa CTĐT nhất là các trường hiện vẫn đang đào tạo hoàn toàn theo niên chế với toàn bộ các CTĐT
- Hoàn thiện các chính sách về phân luồng, thu hút người học để tăng số lượng tuyển sinh GDNN tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai đào tạo theo mô đun, tăng cơ hội lựa chọn các mô đun, môn học theo lộ trình cá nhân của người học.
- Hoàn thiện chính sách, quy định liên quan đến doanh nghiệp tham gia GDNN để thu hút DN tích cực phối hợp các trường trong xây dựng và triển khai CTĐT
- Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về đánh giá kết quả học tập, công nhận tốt nghiệp đối với phương thức đào tạo theo mô đun, tín chỉ trong Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH vừa ban hành để đảm bảo phù hợp, khoa học theo cách tiếp cận các quốc gia có hệ thống GDNN phát triển trên thế giới.

- Cần có chính sách khuyến khích mô đun hóa CTĐT như đưa vào tiêu chí kiểm định, đánh giá trường chất lượng cao, tiêu chí đánh giá CTĐT chất lượng cao.



## 2. CẤP CƠ SỞ ĐÀO TẠO

- Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo về xây dựng CTĐT theo mô đun, chủ động liên hệ với Tổng cục để được hướng dẫn, hỗ trợ triển khai.
- Chủ động tham khảo, học hỏi các cách tiếp cận xây dựng CTĐT theo mô đun nhất là của GIZ-TVET trong triển khai thí điểm tại các trường cao đẳng trong dự án để có những bài học kinh nghiệm thực tế
- Có biện pháp khuyến khích thúc đẩy các khoa chuyển sang thiết kế CTĐT theo mô đun đối với toàn bộ các CTĐT trong nhà trường, đưa vào tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng
- Ưu tiên bố trí nguồn lực cho mô đun hóa CTĐT và đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị để triển khai đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT
- Chủ động, tích cực hợp tác và duy trì mối quan hệ lâu dài bền vững với doanh nghiệp, huy động DN tham gia vào xây dựng CTĐT, cùng triển khai đào tạo, tăng cường đào tạo tại DN và mời DN tham gia đánh giá hoàn thành các mô đun trong CTĐT trong đó yếu tố cốt lõi duy trì hợp tác là cần lắng nghe doanh nghiệp, tiếp thu ý kiến góp ý của DN và đảm bảo hợp tác trên cơ sở 2 bên cùng có lợi./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CEDEFOP (2015). The role of modularisation and unitisation in vocational education and training. <https://unevoc.unesco.org/home/TVETipedia+Glossary/lang=en/filt=all/id=142>
2. Edward J. Maloney & Joshua Kim (2020). Modularity. <https://www.insidehighered.com/digital-learning/blogs/learning-innovation/fall-scenario-10-modularity>
3. Department of Education and Training. Government of Australia. <https://www.myskills.gov.au/media/1776/back-to-basics-competency-based-training.pdf>
4. ILO (2006). Glossary of Key Terms on Learning and Training for Work. <https://unevoc.unesco.org/home/TVETipedia+Glossary/lang=en/filt=all/id=142>
- Khaled Sellami (2018). Curriculum Development: Emerging Trends A Research Paper. <https://lms.su.edu.pk/lesson/1899/week-14-modern-trends-and-issues-in-curriculum-development>
5. NCVET (2013) Glossary of VET. <https://unevoc.unesco.org/home/TVETipedia+Glossary/lang=en/filt=all/id=328>
6. Phạm Thị Minh Hien (2022). Xây dựng CTĐT trong giáo dục nghề nghiệp – Nghiên cứu mô hình của một số quốc gia và giá trị tham khảo với Việt Nam. Tạp chí Lao động Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Số 8/2022 (phát hành ngày 13/8/2022)
7. Luật Dạy nghề 2016, Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 và các Thông tư hướng dẫn về CTĐT, tổ chức đào tạo, chuẩn đầu ra
8. Rahman, S. (2022). Transition from Traditional Curriculum to Modular Curriculum Possible Challenges. <https://jgmids.org.pk/index.php/JGMDS/article/view/328>
9. Tedla and Desta (2015). The suitability of the modular curriculum to offer/learn skill-based modules in efl undergraduate classes. <https://www.journalcra.com/article/suitability-modular-curriculum-offerlearn-skill-based-modules-efl-undergraduate-classes>
10. Robert Wagenaar (...). Setting the Scene: ECVET and ECTS – the two transfer (and accumulation) systems for education and training. [https://www.cedefop.europa.eu/files/Setting\\_the\\_scene\\_-\\_Robert\\_Wagenaar.pdf](https://www.cedefop.europa.eu/files/Setting_the_scene_-_Robert_Wagenaar.pdf)
11. Smith, E. and Keating, J. (1997), Making sense of training reform and competency-based training. Wentworth Falls, NSW: Social Science Press
12. Tài liệu về CTĐT liên kết với Đại học Broward Mỹ của Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội
13. Tài liệu hội thảo, tập huấn về thiết kế CTĐT theo mô đun của Dự án GIZ TVET Việt Nam
14. Tuning Academy. <https://www.unideusto.org/tuningeu/tuning-academy.html>
15. UNESCO (2011). <https://unevoc.unesco.org/home/TVETipedia+Glossary/lang=en/filt=all/id=328>
16. Wondifraw Dejene (2019). The practice of modularized curriculum in higher education institution: Active learning and continuous assessment in focus, Cogent Education, 6:1, DOI: 10.1080/2331186X.2019.1611052
17. Wu Jianyua, Liang Xia, Xing Chen a\* (2012). Vocational Ability Oriented Modularized Curriculum for Advanced Vocational School. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2212667812001967>
18. <https://training.gov.au/Training/Details/SIT07>
19. <https://qualifications.pearson.com/en/qualifications/btec-higher-nationals/business-2021.html>
20. <https://www.tvet-vietnam.org/vi/chuong-trinh-dao-tao-phoi-hop-thiet-ke-o-dang-modun-theo-tieu-chuan-quoc-te>
21. <https://www.coursera.org/articles/what-is-an-associate-degree-key-information-to-know>



## **BẢNG HỎI VỀ XÂY DỰNG CTĐT (CTĐT) TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG**

Để đánh giá thực trạng xây dựng CTĐT của các trường cao đẳng, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi về xây dựng CTĐT theo mô đun tiếp cận mô hình của các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) phát triển, Nhóm chuyên gia nghiên cứu về xây dựng CTĐT theo mô đun kính đề nghị Quý Ông/Bà trả lời các câu hỏi khảo sát dưới đây.

**Sự tham gia trả lời phiếu khảo sát của Ông Bà là sự hỗ trợ rất quý báu đối với Nhóm chuyên gia đồng thời là đóng góp cho phát triển GDNN theo hướng mở, linh hoạt và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.**

Chúng tôi cam kết những thông tin Quý Ông/Bà cung cấp sẽ được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ được gửi tới Ông/Bà ngay sau khi hoàn thành.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì về mọi vấn đề trên bảng hỏi, Quý Ông Bà có thể phản hồi lại cho đại diện nhóm nghiên cứu là Bà: Nguyễn Ngọc Trang, số điện thoại: 090. 845. 6241, email: nguyennngoctrang@gmail.com

**Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Ông Bà.**

<b>1. Tên trường Quý Ông/Bà đang công tác</b>																																																							
<b>2. Loại hình trường</b>	Chọn 1 phương án <input type="checkbox"/> <b>Công lập</b> <input type="checkbox"/> <b>Tư thực</b>																																																						
<b>3. Cơ quan quản lý nhà nước trước năm 2017</b>	Chọn các phương án phù hợp <input type="checkbox"/> Bộ Giáo dục và Đào tạo <input type="checkbox"/> Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội																																																						
<b>4. Nhà trường triển khai CTĐT theo phương thức đào tạo nào (nếu toàn bộ các CTĐT chỉ theo một phương thức thì tích một phương án đó, nếu có CTĐT theo phương án này, có CTĐT theo phương án khác thì tích nhiều hơn một phương án)</b>																																																							
<input type="checkbox"/> Niên chế <input type="checkbox"/> Tích lũy mô đun (chưa gán tín chỉ cho các mô đun) <input type="checkbox"/> Tích lũy mô đun - tín chỉ (đã gán tín chỉ cho mô đun) <input type="checkbox"/> Tích lũy tín chỉ nhưng các học phần/chuyên đề/môn học/môn đun chưa tích hợp các yếu tố lý thuyết, thực hành, thực tập tạo thành khối kiến thức tương đối độc lập, hoàn chỉnh, tạo điều kiện liên thông <input type="checkbox"/> Hình thức đào tạo khác (đề nghị mô tả cụ thể) Click or tap here to enter text.																																																							
Nếu Quý Ông/Bà chỉ chọn phương án 1 (Niên chế), đề nghị trả lời Câu 5																																																							
<b>5. Lý do chính trường chưa đào tạo theo mô-đun</b>																																																							
Đánh X vào phương án phù hợp	Điểm số lần lượt: 1 - <b>hoàn toàn không</b> đồng ý, 2 -không đồng ý, 3 - trung lập, 4 - đồng ý, 5 - <b>hoàn toàn đồng ý</b> .																																																						
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 60%;"></th> <th style="width: 5%;">1</th> <th style="width: 5%;">2</th> <th style="width: 5%;">3</th> <th style="width: 5%;">4</th> <th style="width: 5%;">5</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 2px;">Nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo về đổi mới phương thức đào tạo còn hạn chế</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Khó khăn tuyển sinh, hạn chế về số lượng sinh viên</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Cơ sở vật chất chưa đáp ứng</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Thiếu hỗ trợ, hướng dẫn để thực hiện</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Giáo viên chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế CTĐT theo mô đun</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Chưa cảm thấy cần thiết phải chuyển đổi, áp dụng</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;">Chưa có nguồn ngân sách để triển khai</td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </tbody> </table>		1	2	3	4	5	Nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo về đổi mới phương thức đào tạo còn hạn chế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Khó khăn tuyển sinh, hạn chế về số lượng sinh viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Cơ sở vật chất chưa đáp ứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Thiếu hỗ trợ, hướng dẫn để thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Giáo viên chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế CTĐT theo mô đun	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chưa cảm thấy cần thiết phải chuyển đổi, áp dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Chưa có nguồn ngân sách để triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	1	2	3	4	5																																																		
Nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo về đổi mới phương thức đào tạo còn hạn chế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Khó khăn tuyển sinh, hạn chế về số lượng sinh viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Cơ sở vật chất chưa đáp ứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Thiếu hỗ trợ, hướng dẫn để thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Giáo viên chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế CTĐT theo mô đun	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Chưa cảm thấy cần thiết phải chuyển đổi, áp dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		
Chưa có nguồn ngân sách để triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>																																																		

**6. Lợi ích chính của xây dựng CTĐT theo mô đun (gồm đã gán chỉ hoặc chưa gán tín chỉ)**

*Đánh X vào phương án phù hợp*

Điểm số lần lượt: 1 - **hoàn toàn không** đồng ý, 2 - không đồng ý, 3 - trung lập, 4 - đồng ý, 5 - **hoàn toàn đồng ý**.

	1	2	3	4	5
Cho phép người học linh hoạt quyết định lộ trình học tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển của người học (liên thông ngang, dọc trong cơ sở GDNN, giữa các cơ sở ĐT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thuận lợi khi chỉnh sửa, cập nhật CTĐT (dễ bổ sung, sửa đổi mô đun đơn lẻ, tránh việc phải “dỡ” toàn bộ CTĐT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dễ dàng tổ chức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức học tập khác nhau (không chính quy, chính quy, bán thời gian, v.v.)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đánh giá, phản hồi thường xuyên giúp học tiến bộ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tạo điều kiện thuận lợi và cải thiện việc công nhận các giai đoạn học tập thành công ở nơi khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**7. Mức độ người học được chọn các mô đun, môn học tự chọn?**

Thấp             Trung bình             Cao

**8. Tỷ lệ % các CTĐT được xây dựng đảm bảo liên thông dọc trong tổng số CTĐT của Trường (trong cùng ngành, nghề đào tạo)?**

0%     Dưới 50%     Từ 50%- 75%     Từ 75% - 99%     100%

**9. Tỷ lệ % các CTĐT đảm bảo liên thông ngang trong tổng số CTĐT của trường?**

0%     Dưới 50%     Từ 50%- 75%     Từ 75% - 99%     100%

**10. Đào tạo kỹ năng mềm được thiết kế như thế nào trong CTĐT của trường**

**Chọn 1 phương án**

Chưa thực hiện nội dung này

Thực hiện thành môn học, mô-đun riêng, chưa lồng ghép vào các môn học, mô đun khác

Không có môn học, mô-đun riêng mà lồng ghép vào CTĐT

Vừa có môn học, mô-đun riêng vừa lồng ghép vào các môn học, mô đun khác

<b>11. Những thuận lợi gì nhà trường có khi xây dựng, cập nhật CTĐT</b>					
<b>12. Những khó khăn gì nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT</b>					
<b>13. Nhà trường có đề xuất gì để thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun</b>					
<b>14. Nhà trường đánh giá như thế nào về cách tiếp cận của GIZ về xây dựng CTĐT theo mô đun?</b>					
<i>Đánh</i> Điểm số lần lượt: 1 - <b>hoàn toàn không</b> đồng ý, 2 - không đồng ý, 3 - trung lập,					
<i>X vào</i> 4 - đồng ý, 5 - <b>hoàn toàn đồng ý</b> .					
<i>phương</i>					
<i>án phù</i>					
<i>hợp</i>					
	1	2	3	4	5
Cách tiếp cận tiên tiến, hiệu quả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>15. Quý Ông/Bà vui lòng chia sẻ thêm lý do đánh giá về cách tiếp cận của GIZ về xây dựng CTĐT theo mô đun nói trên</b>					
<b>16. Nhà trường đánh giá khả năng nhân rộng ra đối với CTĐT khác của trường theo tiếp cận của GIZ?</b>					
<input type="checkbox"/> Rất ít khả năng		<input type="checkbox"/> Ít khả năng		<input type="checkbox"/> Bình thường	
<input type="checkbox"/> Có khả năng		<input type="checkbox"/> Rất có khả năng			
<b>17. Nhà trường thu được lợi ích gì khi được hỗ trợ xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận GIZ?</b>					
Click or tap here to enter text.					
<b>18. Nhà trường gặp khó khăn gì khi xây dựng, cập nhật CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ TVET?</b>					
Click or tap here to enter text.					
<b>19. Nhà trường có đề xuất gì liên quan áp dụng cách tiếp cận của GIZ TVET trong xây dựng CTĐT</b>					
Click or tap here to enter text.					
<b>20. Quý Ông/Bà vui lòng cung cấp địa chỉ email để nhận báo cáo kết quả nghiên cứu</b>					

**Mẫu 2: ĐỐI VỚI 29 TRƯỜNG KHÔNG THUỘC CÁC CÁC TRƯỜNG THỤ HƯỞNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIZ TVET VIỆT NAM**

**BẢNG HỎI VỀ XÂY DỰNG CTĐT (CTĐT)  
TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG**

Để đánh giá thực trạng xây dựng CTĐT của các trường cao đẳng, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi về xây dựng CTĐT theo mô đun tiếp cận mô hình của các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) phát triển, Nhóm chuyên gia nghiên cứu về xây dựng CTĐT theo mô đun kính đề nghị Quý Ông/Bà trả lời các câu hỏi khảo sát dưới đây.

**Sự tham gia trả lời phiếu khảo sát của Ông Bà là sự hỗ trợ rất quý báu đối với Nhóm chuyên gia đồng thời là đóng góp cho phát triển GDNN theo hướng mở, linh hoạt và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.**

Chúng tôi cam kết những thông tin Quý Ông/Bà cung cấp sẽ được giữ bí mật và chỉ sử dụng cho mục nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sẽ được gửi tới Ông/Bà ngay sau khi hoàn thành.

Nếu có bất kỳ thắc mắc gì về mọi vấn đề trên bảng hỏi, Quý Ông Bà có thể phản hồi lại cho đại diện nhóm nghiên cứu là Bà: Nguyễn Ngọc Trang, số điện thoại: 090. 845. 6241, email: nguyennngoctrang@gmail.com

**Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Ông Bà.**

**PHẦN A: KHẢO SÁT CHUNG**

<b>1. Tên trường Quý Ông/Bà đang công tác</b>						
<b>2. Loại hình trường</b>	<b>Chọn 1 phương án</b> <input type="checkbox"/> <b>Công lập</b> <input type="checkbox"/> <b>Tư thực</b>					
<b>3. Cơ quan quản lý nhà nước trước năm 2017</b>	Chọn các phương án phù hợp <input type="checkbox"/> Bộ Giáo dục và Đào tạo <input type="checkbox"/> Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					
<b>4. Nhà trường triển khai CTĐT theo phương thức đào tạo nào (nếu toàn bộ các CTĐT chỉ theo một phương thức thì tích một phương án đó, nếu có CTĐT theo phương án này, có CTĐT theo phương án khác thì tích nhiều hơn một phương án)</b>						
<input type="checkbox"/> Niên chế <input type="checkbox"/> Tích lũy mô đun (chưa gán tín chỉ cho các mô đun) <input type="checkbox"/> Tích lũy mô đun - tín chỉ (đã gán tín chỉ cho mô đun) <input type="checkbox"/> Tích lũy tín chỉ nhưng các học phần/chuyên đề/môn học/môn đơn chưa tích hợp các yếu tố lý thuyết, thực hành, thực tập tạo thành khối kiến thức tương đối độc lập, hoàn chỉnh, tạo điều kiện liên thông <input type="checkbox"/> Hình thức đào tạo khác (đề nghị mô tả cụ thể) Click or tap here to enter text.						
Nếu Quý Ông/Bà chỉ chọn phương án 1 (Niên chế), đề nghị trả lời Câu 5						
<b>5. Lý do chính trường chưa đào tạo theo mô-đun</b>						
Đánh X vào Điểm số lần lượt: 1 - <b>hoàn toàn không</b> đồng ý, 2 - không đồng ý, 3 - trung lập, 4 - đồng ý, 5 - <b>hoàn toàn đồng ý</b> .						
<i>phương án phù hợp</i>		1	2	3	4	5
Nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo về đổi mới phương thức đào tạo còn hạn chế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khó khăn tuyển sinh, hạn chế về số lượng sinh viên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cơ sở vật chất chưa đáp ứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thiếu hỗ trợ, hướng dẫn để thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các quy định về chuẩn đầu ra chưa tạo điều kiện để áp dụng thiết kế CTĐT theo mô đun	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Giáo viên chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế CTĐT theo mô đun	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chưa cảm thấy cần thiết phải chuyển đổi, áp dụng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chưa có nguồn ngân sách để triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**6. Lợi ích chính của xây dựng CTĐT theo mô đun (gồm đã gán chỉ hoặc chưa gán tín chỉ)**

*Đánh X vào phương án phù hợp*

Điểm số lần lượt: 1 - **hoàn toàn không** đồng ý, 2 - không đồng ý, 3 - trung lập, 4 - đồng ý, 5 - **hoàn toàn đồng ý**.

	1	2	3	4	5
Cho phép người học linh hoạt quyết định lộ trình học tập	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển của người học (liên thông ngang, dọc trong cơ sở GDNN, giữa các cơ sở ĐT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thuận lợi khi chỉnh sửa, cập nhật CTĐT (dễ bổ sung, sửa đổi mô đun đơn lẻ, tránh việc phải “dỡ” toàn bộ CTĐT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dễ dàng tổ chức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các hình thức học tập khác nhau (không chính quy, chính quy, bán thời gian, v.v.)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đánh giá, phản hồi thường xuyên giúp học tiến bộ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tạo điều kiện thuận lợi và cải thiện việc công nhận các giai đoạn học tập thành công ở nơi khác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**7. Mức độ người học được chọn các mô đun, môn học tự chọn?**

Thấp                       Trung bình                       Cao

**8. Tỷ lệ % các CTĐT được xây dựng đảm bảo liên thông dọc trong tổng số CTĐT của Trường (trong cùng ngành, nghề đào tạo)?**

0%                       Dưới 50%                       Từ 50%- 75%                       Từ 75% - 99%                       100%

**9. Tỷ lệ % các CTĐT đảm bảo liên thông ngang trong tổng số CTĐT của trường?**

0%                       Dưới 50%                       Từ 50%- 75%                       Từ 75% - 99%                       100%

**10. Đào tạo kỹ năng mềm được thiết kế như thế nào trong CTĐT của trường**

**Chọn 1 phương án**

Chưa thực hiện nội dung này

Thực hiện thành môn học, mô-đun riêng, chưa lồng ghép vào các môn học, mô đun khác

Không có môn học, mô-đun riêng mà lồng ghép vào CTĐT

Vừa có môn học, mô-đun riêng vừa lồng ghép vào các môn học, mô đun khác

<b>11. Những thuận lợi gì nhà trường có khi xây dựng, cập nhật CTĐT</b>
<b>12. Những khó khăn gì nhà trường gặp phải khi xây dựng, cập nhật CTĐT</b>
<b>13. Nhà trường có đề xuất gì để thúc đẩy xây dựng CTĐT theo mô đun</b>
<b>14. Quý Ông/Bà vui lòng cung cấp địa chỉ email để nhận báo cáo kết quả nghiên cứu</b>

## PHỤ LỤC 2

### CÁC CÂU HỎI CHUẨN BỊ CHO THẢO LUẬN NHÓM CÁC TRƯỜNG THAM GIA KHẢO SÁT

1. Kế hoạch của các trường về xây dựng CTĐT trong 1-3 năm tới?
2. Theo ý kiến Ông/Bà có nên chuyển sang hết đào tạo theo mô đun-tín chỉ? Tại sao?
3. Tại sao nhiều trường mức độ sinh viên chọn các môn tự chọn còn thấp, hoặc chỉ trung bình?
4. Theo các anh chị, đào tạo kỹ năng mềm như thế nào đảm bảo hiệu quả?
5. Nhà trường gặp những khó khăn vướng mắc gì về xây dựng CTĐT?
6. Nhà trường đề xuất gì với cơ quan quản lý NN và ý kiến gì với các cơ sở đào tạo để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của xây dựng và triển khai CTĐT?
7. Các câu hỏi dành riêng cho trường thụ hưởng của Chương trình GIZ TVET
8. Đề nghị Ông/Bà nói rõ hiệu quả xây dựng CTĐT theo cách tiếp cận của GIZ TVET? Tác động sau khi được GIZ TVET hỗ trợ như thế nào?
9. Ông/Bà có đề xuất gì thêm liên quan đến cách tiếp cận của GIZ TVET trong xây dựng CTĐT?





